

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Anh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN VÀ
THƯƠNG MẠI BẮC VIỆT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Phạm Thị Anh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Anh

Mã SV: 1312401168

Lớp : QT1703K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây
lắp điện & thương mại Bắc Việt

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)
 - Hệ thống hóa lý luận chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp .
 - Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2016
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp
Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Thị Anh

ThS.Nguyễn Thị Mai Linh

Hải phòng, ngày....tháng....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1.Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2.1. Khái niệm.....	2
1.1.2.2. Đặc điểm.....	3
1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	3
1.1.3.1. Yêu cầu quản lý.....	3
1.1.3.2. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	4
1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	4
1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.....	4
1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu.....	5
1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	9
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.....	9
1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	10
1.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.....	11
1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	12
1.3.1. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	12
1.3.2. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	16
1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	19
1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	21
1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	21
1.5.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.....	21
1.5.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	21
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	22
1.5.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	22
1.5.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	23
1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	24

1.5.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	24
1.5.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.	24
1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.	26
1.5.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.	26
1.5.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.	26
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	27
1.5.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.	27
1.5.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	27
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT	
LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN VÀ THƯƠNG MẠI	
BẮC VIỆT.....	29
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.	
.....	29
2.1.1. Lịch sử hình thành, phát triển và đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.....	29
2.1.2. Đặc điểm của bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.....	31
2.1.2. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.....	33
2.1.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	33
2.1.2.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán áp dụng tại công ty.	34
2.1.2.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty.	34
2.1.2.5. Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính.....	36
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.	36
2.2.1. Đặc điểm và tính giá nguyên vật liệu tại công ty.....	36
2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty.....	36
2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại công ty.....	36
2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty.....	38
2.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt	54
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	54
2.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng.	54
2.2.3.3. Quy trình hạch toán.	54
2.2.3.4. Ví dụ minh họa.....	56

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN & THƯƠNG MẠI BẮC VIỆT	58
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.	59
3.1.1. Ưu điểm.....	59
3.1.2. Hạn chế.....	61
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.	62
3.2.1. Hoàn thiện về việc lập sổ danh điểm vật tư.	63
3.2.2. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán.....	66
3.2.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.....	71
3.2.4 Hoàn thiện việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho.....	72
3.2.5. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	74
3.2.6. Một số giải pháp khác.	77
3.2.6.1. Quản lý và sử dụng vật tư.	77
3.2.6.2. Bộ máy kế toán.....	78
KẾT LUẬN	80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	81

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.....	10
Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	11
Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.....	12
Sơ đồ 1.4: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	15
Sơ đồ 1.5: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	18
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	22
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái.....	23
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	25
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.....	27
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	28
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.....	31
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.....	33
Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.....	35
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.....	38
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.....	55

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: (Trích Hóa đơn GTGT mua điều khiển cho động cơ van 2 ngã) ...	40
Biểu số 2.2: (Trích phiếu nhập kho điều khiển cho động cơ van 2 ngã)	41
Biểu số 2.3: Phiếu yêu cầu cấp vật tư	42
Biểu số 2.4: (Trích Phiếu xuất kho điều khiển cho động cơ van 2 ngã tháng 12)	43
Biểu số 2.5: (Trích thẻ điều khiển cho động cơ van 2 ngã tháng 12)	44
Biểu số 2.6: (Trích sổ chi tiết điều khiển cho động cơ van 2 ngã tháng 12)	45
Biểu số 2.7: (Trích hóa đơn mua máng inox 92,31)	47
Biểu số 2.8: (Trích phiếu nhập kho máng inox 92,31)	48
Biểu số 2.9: Phiếu yêu cầu cấp vật tư	49
Biểu số 2.10: (Trích Phiếu xuất kho máng inox 92,31)	50
Biểu số 2.11: (Trích thẻ kho PCB30 tháng 12).....	51
Biểu số 2.12: (Trích sổ chi tiết máng inox 92,31 tháng 12).....	52
Biểu số 2.13: (Trích bảng tổng hợp nhập xuất tồn)	53
Biểu số 2.14 : (Trích sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2016)	57
Biểu số 2.15: (Trích sổ cái TK 152 tháng 12 năm 2016).....	58
Biểu số 3.1: Sổ danh điểm vật tư	65
Biểu số 3.2: Sổ giao nhận chứng từ	71
Biểu số 3.3:Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá.....	73
Biểu số 3.4: Bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	77

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, xu thế cạnh tranh là tất yếu. Bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng cần quan tâm đến nhu cầu thị trường đang cần sản phẩm gì? Vì vậy các doanh nghiệp cần quan tâm và phấn đấu sản xuất sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu thị trường và sản phẩm đó phải có chất lượng cao nhất với giá thành thấp để thu lợi nhuận nhiều nhất.

Tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị công trình. Vì vậy việc tổ chức tốt công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ bị gián đoạn và không thể thực hiện được nếu thiếu nguyên vật liệu vì trong các nguồn lực của doanh nghiệp nguyên vật liệu là yếu tố đầu vào cơ bản của sản xuất cấu thành nên công trình xây dựng. Sự ổn định về yếu tố đầu vào là một yêu cầu tất yếu để đảm bảo cho sự hoạt động liên tục trong thời buổi kinh tế thị trường.

Là một sinh viên thực tập với những kiến thức đã được trang bị trong những năm học ở trường và kết quả tìm hiểu thực tế trong thời gian thực tập ở Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt”***.

Kết cấu của đề tài ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp .

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.

Trong quá trình tìm hiểu và viết bài còn nhiều thiếu sót em mong được sự góp ý của các thầy cô giáo để em có thể hoàn thiện bài viết của mình hơn. Em xin chân thành cảm ơn ThS. Nguyễn Thị Mai Linh đã hướng dẫn, cảm ơn ban lãnh đạo cùng tập thể nhân viên Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này

CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất, bị tiêu hao toàn bộ và chuyển toàn bộ giá trị một lần vào chi phí sản xuất cũng như giá thành sản phẩm. Giá thành sản phẩm là vấn đề quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp, nền kinh tế thị trường chỉ cho phép các doanh nghiệp thực sự làm ăn có lãi được tồn tại và phát triển. Để đạt được điều đó thì nhất thiết các doanh nghiệp phải quan tâm đến giá thành sản phẩm vì vậy phân đấu hạ giá thành sản phẩm có ý nghĩa sống còn đối với các doanh nghiệp sản phẩm của các doanh nghiệp có được chấp nhận trên thị trường hay không, không chỉ ở vấn đề giá cả mà còn nhiều vấn đề khác quan trọng trong đó có vấn đề chất lượng. Nguyên vật liệu đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên chất lượng sản phẩm. Do đó, vật liệu có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, là yếu tố chủ yếu trong chi phí sản xuất và giá thành, là bộ phận của vốn lưu động. Chính vì vậy các nhà sản xuất rất quan tâm đến vấn đề quản lý và sử dụng nguyên vật liệu.

Kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng là công tác đặc lực giúp lãnh đạo doanh nghiệp nắm được tình hình và chỉ đạo sản xuất kinh doanh. Kế toán vật liệu có chính xác đầy đủ, công tác phân tích vật liệu có đúng đắn thì lãnh đạo mới nắm chính xác được tình hình thu mua dự trữ, sản xuất vật liệu và tình hình thực hiện kế hoạch vật liệu để từ đó đề ra những biện pháp quản lý thích hợp.

Đối với nền kinh tế sản xuất hàng hoá chi phí vật liệu là chi phí chủ yếu cấu thành nên giá thành sản phẩm. Do vậy việc tổ chức công tác kịp thời có chính xác khoa học hay không sẽ quyết định tới tính chính xác kịp thời của giá thành sản phẩm sản xuất cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.2.1. Khái niệm.

Theo chuẩn mực số 02 – Hàng tồn kho (Quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ tài Chính) hàng tồn kho là những tài sản:

- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường

Như vậy nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm được sản xuất và được thể hiện dưới dạng vật hóa như: hạt nhựa trong doanh nghiệp sản xuất đồ nhựa, vải trong doanh nghiệp may mặc, sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí...

1.1.2.2. Đặc điểm.

- Khi tham gia vào quá trình sản xuất, vật liệu chuyển dịch một lần toàn bộ giá trị của chúng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ và hình thành nên chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Đây cũng là một đặc điểm dùng để nhận biết nguyên vật liệu với các tư liệu lao động khác. Chi phí về các loại vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

- Vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, dưới tác động của sức lao động và máy móc thiết bị chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm. Do vậy, nguyên vật liệu được coi là cơ sở vật chất, là yếu tố không thể thiếu được của bất cứ quá trình sản xuất nào, đặc biệt là đối với quá trình hình thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Mặt khác, xét về mặt vốn thì vật liệu là thành phần quan trọng của vốn lưu động trong doanh nghiệp, đặc biệt là vốn dự trữ. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cần phải tăng tốc độ luân chuyển của vốn lưu động và điều đó không thể tách rời việc dự trữ và sử dụng vật liệu một cách hợp lý.

1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.3.1. Yêu cầu quản lý.

Để quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra một cách liên tục thì yêu cầu công tác quản lý nguyên vật liệu phải toàn diện ở tất cả các khâu, từ khâu thu mua bảo quản đến khâu sử dụng.

- Ở khâu thu mua: Mỗi loại vật liệu có tính chất lý hoá khác nhau, công dụng và tỉ lệ hao hụt khác nhau do đó thu mua phải làm sao cho đủ số lượng,

đúng chủng loại, phẩm chất tốt, giá cả hợp lý, chi cho phép hao hụt trong định mức, đặc biệt quan tâm đến chi phí thu mua nhằm hạ thấp chi phí.

- Ở khâu dự trữ: Đối với doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối thiểu, tối đa để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh bình thường, không bị ngừng trệ gián đoạn do cung cấp không kịp thời hoặc gây tình trạng ứ đọng do dự trữ quá nhiều.

- Ở khâu dự trữ: Cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng vật liệu trong sản xuất kinh doanh. Cần sử dụng vật liệu hợp lý tiết kiệm trên cơ sở định mức và dự đoán chi. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, tăng thu nhập, tăng tích lũy cho doanh nghiệp.

Do công tác quản lý vật liệu có tầm quan trọng như vậy nên việc tăng cường quản lý vật liệu là rất cần thiết. Phải luôn cải tiến công tác quản lý vật liệu cho phù hợp với thực tế sản xuất coi đây là yêu cầu cần thiết đưa công tác quản lý vật liệu vào nề nếp khoa học.

1.1.3.2. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp .

- Thực hiện việc đánh giá, phân loại vật liệu phù hợp với nguyên tắc, yêu cầu quản lý thống nhất của Nhà nước và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp.

- Tổ chức tốt chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán phù hợp với phương pháp hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp để ghi chép, phân loại, tổng hợp số liệu về tình hình hiện có và số lượng tăng giảm vật liệu trong sản xuất kinh doanh, cung cấp số liệu kịp thời để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Tham gia việc đánh giá phân tích tình hình thực hiện kế hoạch thu mua, tình hình thanh toán với người bán, người cung cấp và tình hình sử dụng vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp .

1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp vật liệu rất đa dạng và phong phú, mỗi loại có một vai trò công dụng và tính năng lý hóa khác nhau. Vì vậy, để quản lý vật liệu một cách hiệu quả, các doanh nghiệp tiến hành phân loại vật liệu. Tùy theo yêu cầu quản lý vật liệu mà từng doanh nghiệp thực hiện phân loại theo cách khác nhau:

❖ Phân loại theo vai trò và công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu.

- *Nguyên vật liệu chính*: Là đối tượng chủ yếu cấu thành nên thực thể của sản phẩm.

- *Nguyên vật liệu phụ*: Là những loại nguyên vật liệu có tác dụng phục vụ trong quá trình sản xuất, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm hoặc được sử dụng để đảm bảo cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

- *Vật liệu khác*: Bao gồm những loại vật liệu chưa được sắp xếp vào các loại trên, những phế liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc thu hồi từ thanh lý tài sản.

- *Phụ tùng thay thế*: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất.

- *Nhiên liệu*: Là những thứ tiêu dùng cho sản xuất năng lượng như than, dầu mỏ..., nhiên liệu thực chất là vật liệu phụ được tách ra thành một nhóm riêng do vai trò quan trọng của nó nhằm mục đích quản lý và hạch toán thuận tiện hơn.

- *Thiết bị và vật liệu xây dựng cơ bản*: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ, và kết cấu dùng để lắp đặt công trình xây dựng cơ bản.

❖ ***Phân loại theo nguồn hình thành***

- *Nguyên vật liệu tự chế biến, thuê gia công*: Là nguyên vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

- *Nguyên vật liệu mua ngoài*: Là loại nguyên vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất ra được mà do mua từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.

- *Nguyên vật liệu hình thành từ nguồn gốc khác*: Là loại vật liệu nhận tặng thưởng, nhận viện trợ của các tổ chức, cá nhân, phế liệu thu hồi từ tài sản cố định, góp vốn kinh doanh...

❖ ***Phân loại theo mục đích sử dụng***

- *Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích khác*: Như nguyên vật liệu sản xuất chung, cho quản lý doanh nghiệp, nguyên vật liệu đem góp vốn.

- *Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích sản xuất*: Là nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ cho quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm.

1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu.

❖ ***Tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho***

Tính giá nguyên vật liệu là một công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên liệu. Tính giá thành nguyên vật liệu là công việc dùng thước

đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những quy tắc nhất định. Hạch toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp được tính theo giá trị thực tế.

Nguyên tắc tính giá nguyên vật liệu: Áp dụng Điều 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ tài Chính: “Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn đơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được”. Trong đó:

- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí thu mua chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện có.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Như vậy phù hợp với chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp, nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế.

- Tính giá nguyên vật liệu nhập kho tuân thủ theo nguyên tắc giá gốc. Nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định khác nhau.

** Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:*

Giá thực tế NVL nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí thu mua thực tế	+	Các khoản thuế không được hoàn lại	-	CKTM, Giảm giá hàng mua
---------------------------------	----------	---------------------------------	----------	--------------------------------	----------	---	----------	--------------------------------

Nếu nguyên vật liệu được mua từ nước ngoài, thì thuế nhập khẩu được tính vào giá nhập kho. Khoản thuế GTGT phải nộp khi mua nguyên vật liệu cũng được tính vào giá trị nhập nếu doanh nghiệp không thuộc diện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

** Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:*

Giá thực tế của NVL thuê ngoài gia công chế biến	=	Giá thực tế của NVL xuất thuê ngoài gia công chế biến	+	Chi phí thuê ngoài gia công chế biến	+	Chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản (nếu có)
---	----------	--	----------	---	----------	---

* Đối với nguyên vật liệu tự chế:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{của NVL tự} \\ \text{chế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành sản xuất} \\ \text{NVL} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

* Đối với nguyên vật liệu được cấp

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{của NVL được} \\ \text{cấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá theo biên} \\ \text{bản giao nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

* Đối với nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế của} \\ \text{NVL nhận vốn góp} \\ \text{liên doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị vốn} \\ \text{góp do HĐLD} \\ \text{đánh giá} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

* Đối với nguyên vật liệu được biếu tặng, viện trợ:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế của} \\ \text{NVL được biếu} \\ \text{tặng, viện trợ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị tại thời} \\ \text{điểm nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi phí khác} \\ \text{phát sinh} \end{array}$$

* Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:

$$\text{Giá trị thực tế của phế liệu thu hồi} = \text{Giá có thể sử dụng lại hoặc có thể bán}$$

❖ **Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho**

* Phương pháp giá thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, vật tư xuất thuộc lô nào theo giá trị nào thì được tính theo đơn giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc một hàng ổn định được nhận diện.

Phương pháp này có ưu điểm là xác định được chính xác giá vật tư xuất ra, làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại. Nhưng trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật liệu sẽ phức tạp.

* Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này, trị giá xuất của vật liệu bằng số lượng vật liệu xuất nhân với đơn giá bình quân. Đơn giá bình quân có thể xác định theo 1 trong 2 phương pháp sau:

* Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân cả kỳ} \\ \text{dự trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ} \end{array}}$$

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư và số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều. Phương pháp này có ưu điểm là đơn giản dễ làm, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm vật tư. Nhưng bên cạnh đó còn có nhược điểm là dồn công việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho vào kỳ cuối hạch toán nên ảnh hưởng tiến độ của các khâu kế toán khác.

**Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:*

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập nguyên vật liệu, kế toán tính đơn giá bình quân sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và số lượng vật liệu xuất để tính trị giá vật liệu xuất.

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } j = \frac{\text{Trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau lần nhập } j}{\text{Số lượng thực tế nguyên vật liệu tồn kho sau lần nhập } j}$$

Phương pháp này nên áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư và số lần nhập của mỗi loại không nhiều. Phương pháp này có ưu điểm là cho giá nguyên vật liệu xuất kho chính xác, phản ánh kịp thời sự biến động của giá cả, công việc tính giá được tính toán đều đặn. Tuy nhiên phương pháp này có nhược điểm là công việc tính toán tương đối nhiều và phức tạp.

** Phương pháp Nhập trước _ Xuất trước (FIFO)*

Phương pháp này được thực hiện như sau: Lô nguyên vật liệu nào nhập kho trước sẽ được dùng trước. Hàng tồn kho cuối kỳ là hàng mới nhất. Do vậy, giá thành xuất dùng được tính hết theo giá thực tế của lần nhập trước, xong mới đến lần nhập sau. Nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá tồn kho cao, hàng xuất thấp, chi phí kinh doanh giảm, lợi nhuận tăng và ngược lại.

Phương pháp có ưu điểm là cho phép kế toán có thể tính toán giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời. Phương pháp này cho ước tính hợp lý về giá nguyên vật liệu cuối kỳ. Nhưng các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành.

** Phương pháp giá bán lẻ*

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính

đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự)

Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn. Khi bán hàng, các siêu thị không thể tính ngay giá vốn của hàng bán vì chủng loại và số lượng các mặt hàng bán ra hàng ngày rất nhiều, lượng khách hàng đông. Vì vậy, các siêu thị thường xây dựng một tỷ lệ lợi nhuận biên trên giá vốn hàng mua vào để xác định ra giá bán hàng hóa (tức là doanh thu). Sau đó, căn cứ doanh số bán ra và tỷ lệ lợi nhuận biên, siêu thị sẽ xác định giá vốn hàng đã bán và giá trị hàng còn tồn kho.

Ngành kinh doanh bán lẻ như hệ thống các siêu thị đang phát triển mạnh mẽ. Mặc dù Chuẩn mực Việt Nam chưa có quy định cách tính giá gốc hàng tồn kho theo phương pháp bán lẻ nhưng thực tế các siêu thị vẫn áp dụng vì các phương pháp khác đã quy định trong Chuẩn mực không phù hợp để tính giá trị hàng tồn kho và giá vốn hàng bán của siêu thị. Việc bổ sung quy định này là phù hợp với thực tiễn kinh doanh bán lẻ tại Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các thông tin về doanh số của siêu thị được xác định hàng ngày sẽ là căn cứ để xác định giá vốn và giá trị hàng tồn kho của siêu thị.

1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp .

Kế toán nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng thiết bị nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản lý từng danh điểm vật tư. Trong thực tế công tác kế toán hiện nay ở nước ta nói chung và các doanh nghiệp công nghiệp nói riêng đang áp dụng một trong ba phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu sau: Phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển, phương pháp sổ số dư.

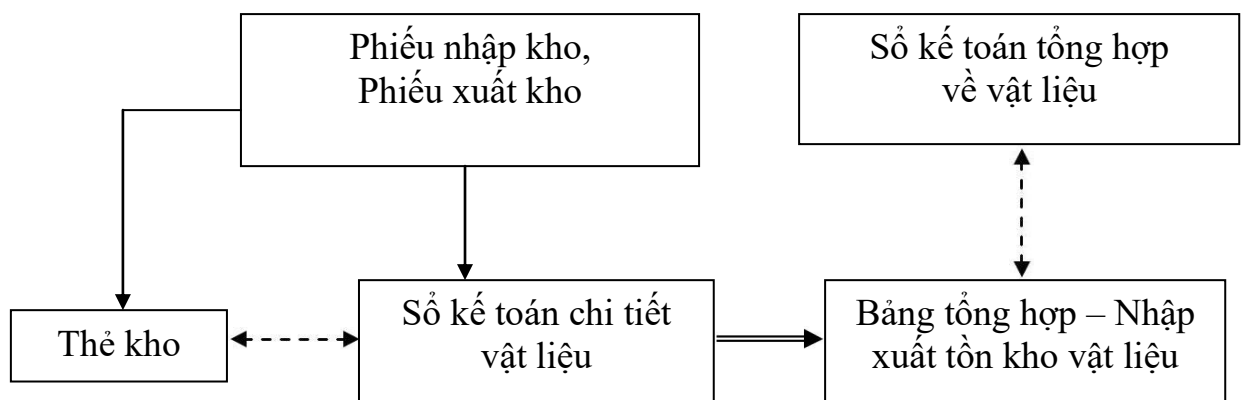
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.

Theo phương pháp này thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất NVL để ghi “Thẻ kho” (mở theo từng danh điểm trong từng kho). Kế toán NVL cũng

dựa trên chứng từ nhập, xuất NVL để ghi số lượng và tính thành tiền NVL nhập, xuất vào “Thẻ kế toán chi tiết vật liệu” (mở tương ứng với thẻ kho). Cuối kì, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu trên “Thẻ kế toán chi tiết vật liệu” với “Thẻ kho” tương ứng do thủ kho chuyển đến, đồng thời từ “Sổ sách kế toán chi tiết vật liệu”, kế toán lấy số liệu để ghi vào “Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn vật liệu” theo từng danh điểm, từng loại NVL để đối chiếu với số liệu kế toán tổng hợp nhập, xuất vật liệu.

Phương pháp này rất đơn giản trong khâu ghi chép, đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót, đồng thời cung cấp thông tin nhập, xuất và tồn kho của từng danh điểm NVL kịp thời, chính xác. Tuy nhiên, phương pháp này chỉ sử dụng được khi doanh nghiệp có ít danh điểm NVL

Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <-.-.->

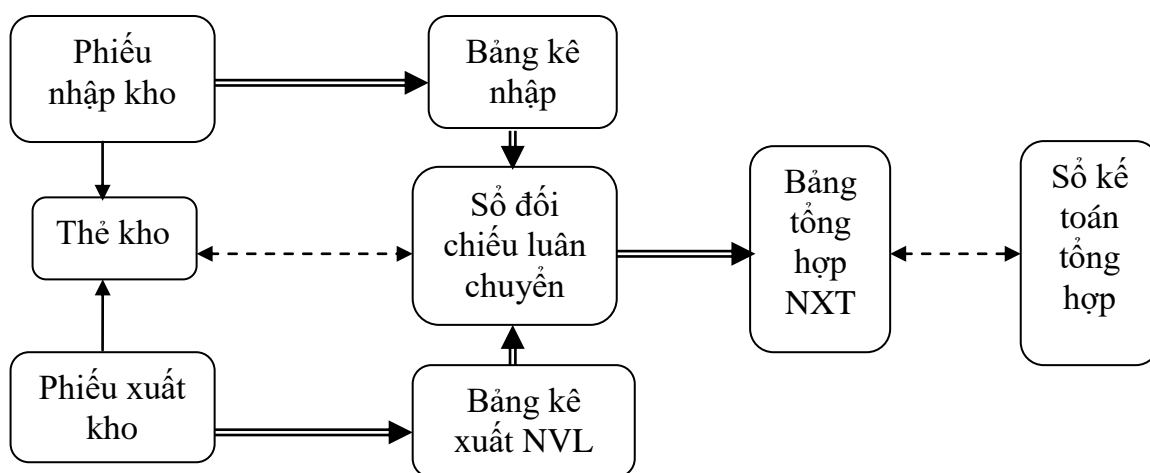
1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

Đối với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm NVL và số lượng chứng từ nhập, xuất NVL không nhiều thì phương pháp thích hợp để hạch toán chi tiết NVL là phương pháp đối chiếu luân chuyển.

Theo phương pháp này, kế toán chỉ mở “Sổ đối chiếu luân chuyển NVL” theo từng kho, cuối kỳ trên cơ sở phân loại chứng từ nhập, xuất theo từng danh điểm NVL và theo từng kho, kế toán lập “Bảng kê nhập vật liệu” và dựa vào các

bảng kê này để ghi vào “Số luân chuyển NVL”. Khi nhận được thẻ kho, kế toán tiến hành đối chiếu tổng lượng nhập, xuất của từng thẻ kho với “Số luân chuyển NVL”, đồng thời từ “Số đối chiếu luân chuyển NVL” lập “Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho vật liệu” để đối chiếu với số liệu kế toán tổng hợp vật liệu. Như vậy, phương pháp này giảm nhẹ khối lượng công việc ghi chép của kế toán, nhưng vì dồn công việc ghi sổ, kiểm tra đối chiếu vào cuối kỳ, nên trong trường hợp số lượng chứng từ nhập xuất của từng danh điểm NVL khá nhiều thì công việc kiểm tra, đối chiếu sẽ gặp nhiều khó khăn và hơn nữa là ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các khâu kế toán khác.

Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.

Với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm NVL và đồng thời số lượng chứng từ nhập xuất của mỗi loại khá nhiều thì phương pháp hạch toán chi tiết NVL thích hợp nhất là phương pháp sổ dư

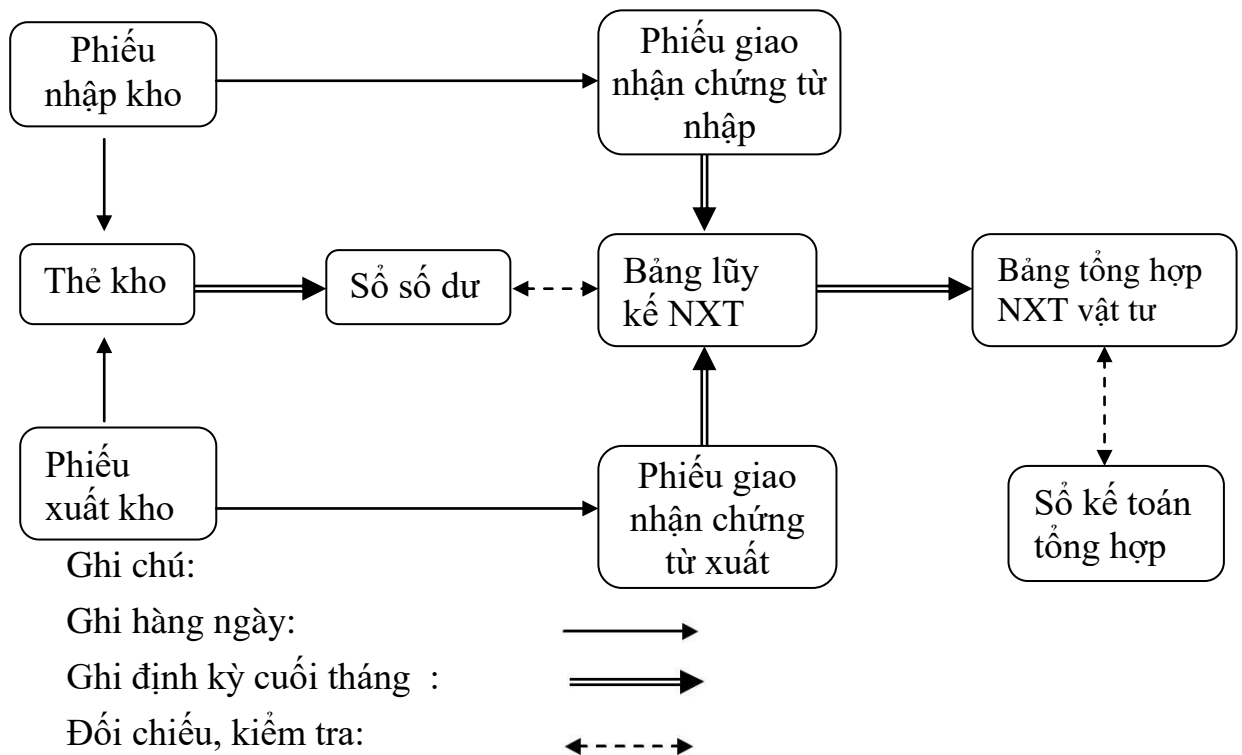
Theo phương pháp này, thủ kho ngoài việc ghi “Thẻ kho” như các phương pháp trên thì cuối kỳ còn phải ghi lượng NVL tồn kho từ “Thẻ kho” vào “Sổ số dư”.

Kế toán dựa vào số lượng nhập, xuất của từng danh điểm NVL được tổng hợp từ các chứng từ nhập, xuất mà kế toán nhận được khi kiểm tra các kho theo định kỳ 3, 5 hoặc 10 ngày một lần (kèm theo “Phiếu giao nhận chứng từ”) và giá

hạch toán để trị giá thành tiền NVL nhập xuất theo từng danh điểm, từ đó ghi vào “Bảng lũy kế nhập, xuất tồn” (bảng này được mở theo từng kho). Cuối kỳ tiến hành tính tiền trên “Sổ số dư” do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho từng danh điểm NVL trên “Sổ số dư” với tồn kho trên “Bảng lũy kế nhập, xuất, tồn”. Từ “Bảng lũy kế nhập, xuất, tồn” kế toán lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp về vật liệu.

Phương pháp này tránh được việc ghi chép trùng lặp và dàn đều công việc ghi sổ trong kỳ, nên không bị dồn việc vào cuối kỳ, nhưng việc kiểm tra, đối chiếu và phát hiện sai sót gặp nhiều khó khăn, vì vậy, phương pháp này đòi hỏi nhân viên kế toán và thủ kho phải có trình độ chuyên môn cao.

Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp .

1.3.1. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, sự biến động tăng giảm về nguyên vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế, kế toán nguyên vật liệu so sánh và đối chiếu với số liệu nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất, xây lắp... và các đơn vị thường xuyên kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, ...

+ Ưu điểm: Phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho.

+ Nhược điểm: Phương pháp này tốn nhiều công tính toán.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- Phiếu đề nghị xuất vật tư
-

❖ **Tài khoản sử dụng**

+ Để ghi chép vật tư theo phương pháp kê khai thường, kế toán sử dụng Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”, Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”, Tài khoản 621 “Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp”, Tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung”...

➤ **Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”**

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn liên doanh, được cấp hoặc nhập từ nguồn khác.
- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Bên Có:

- Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất, xuất bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.
- Trị giá nguyên vật liệu được giảm giá, chiết khấu thương mại hoặc trả lại người bán.
- Trị giá nguyên vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.

Số dư bên Nợ:

- Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho.

➤ *Tài khoản 151 “ Hàng mua đang đi đường”*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận *thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho.*

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa đang đi trên đường.

Bên Có:

- Phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư đã nhập kho hoặc đã giao thẳng cho khách hàng.

Số dư bên Nợ:

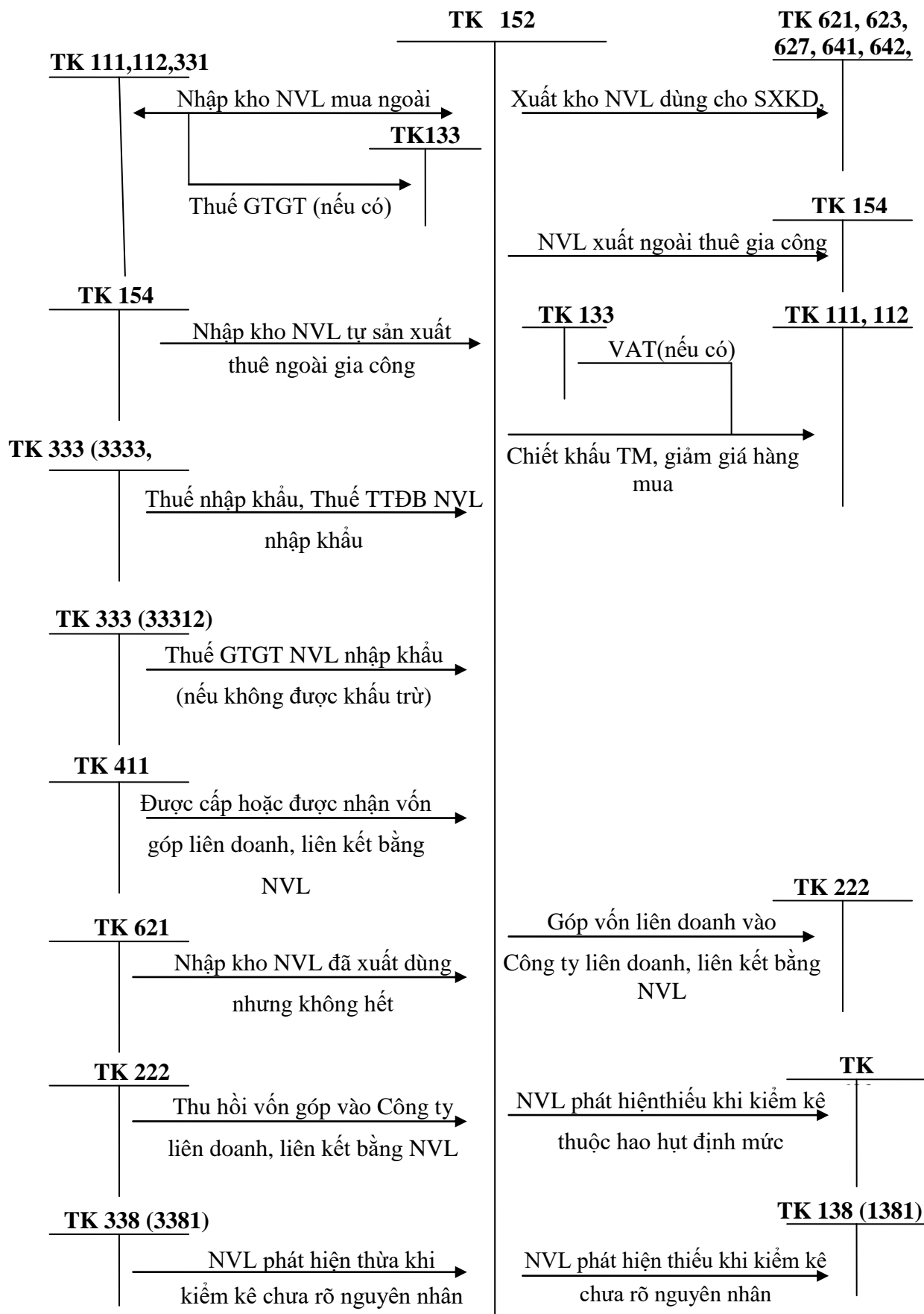
- Phản ánh trị giá hàng hóa vật tư đã mua nhưng còn đi trên đường.

Ngoài ra, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như tài khoản 111, 112, 133, 141, 331,....

❖ **Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.3.2. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp. Từ đó tính ra giá trị vật tư, hàng hóa xuất kho trong kỳ theo công thức:

$$\text{Trị giá NVL xuất kho} = \text{Trị giá NVL tồn kho} + \text{Trị giá NVL nhập trong kỳ} - \text{Trị giá NVL tồn cuối kỳ}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hóa nhập kho, xuất kho không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán tồn kho mà được theo dõi trên tài khoản 611 “Mua hàng”.

Như vậy khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, tài khoản kế toán phản ánh nguyên vật liệu chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để phản ánh giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- Phiếu đề nghị xuất vật tư
-

❖ Tài khoản sử dụng

Để ghi chép vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán sử dụng Tài khoản 611 “Mua hàng”, Tài khoản 152 “ Nguyên vật liệu”, Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”

➤ Tài khoản 611 “Mua hàng”

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật liệu mua vào, xuất trong kỳ

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu , công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại,...

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê);

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (Chưa được xác định là đã bán trong kỳ);
- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ, chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6111 – “Mua nguyên vật liệu”

+ Tài khoản 6112 – “Mua hàng hóa”

➤ *Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết cho từng loại.

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ

Bên Có:

- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu hoặc cuối kỳ.

➤ *Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”:*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường cuối kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường đầu kỳ.

Số dư bên Nợ:

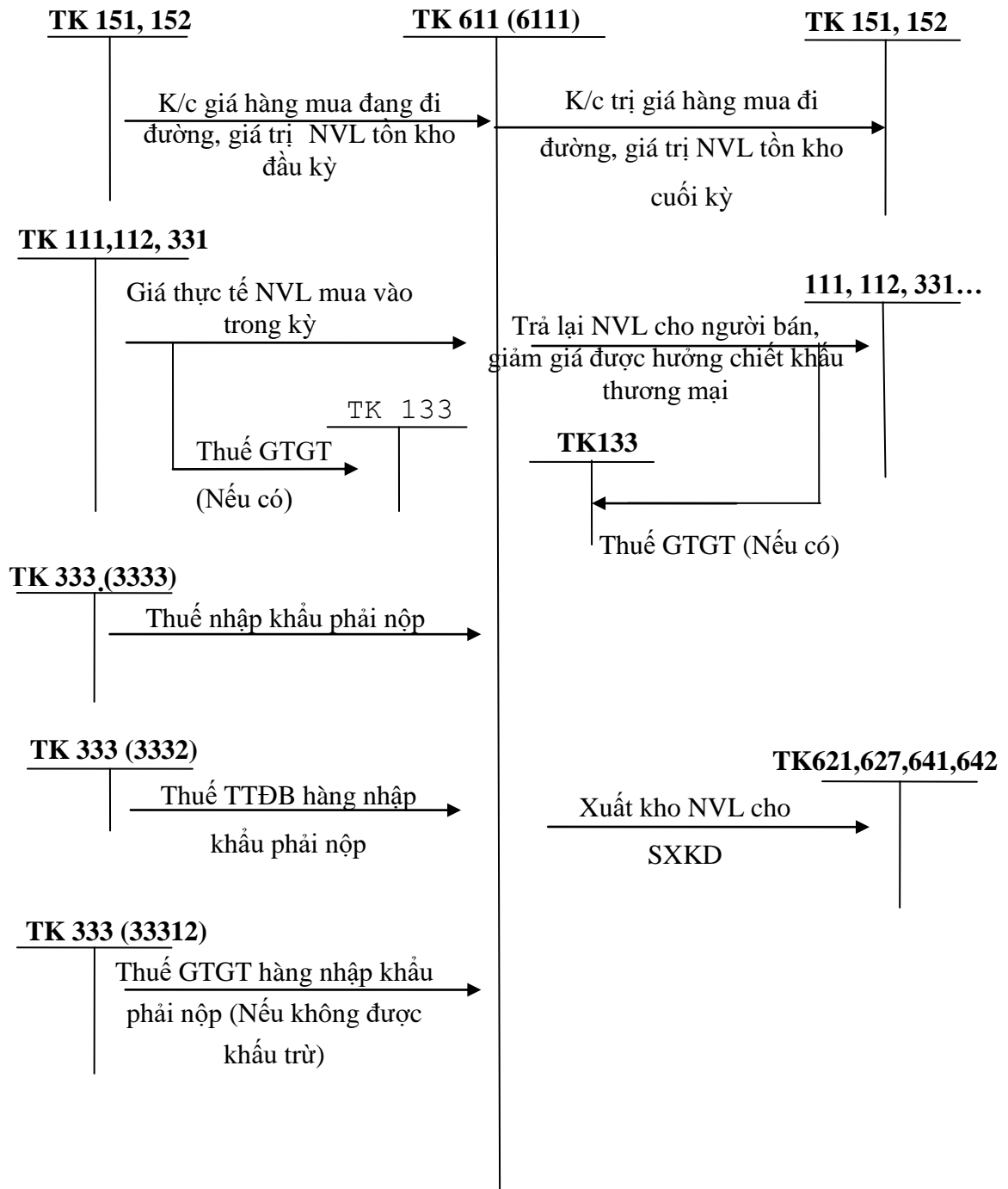
- Trị giá thực tế hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán kế toán còn sử dụng một số TK khác liên quan như: 133, 331, 111, 112.....

❖ **Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho không được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy thu thập tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc, nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Cách xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Theo quy định hiện hành của chế độ kế toán tài chính thì dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được lập cho các loại nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất, các loại vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho để bán mà giá trên thị trường thấp hơn thực tế đang ghi sổ kế toán. Những loại vật tư hàng hóa này là mặt hàng kinh doanh thuộc sở hữu của doanh nghiệp, có chứng cứ hợp lý, chứng minh giá vốn vật tư, hàng tồn kho.

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá vật tư hàng hóa} = \text{Lượng vật tư hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \times \left(\begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán} \\ - \\ \text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho} \end{array} \right)$$

Tài khoản sử dụng: *Tài khoản 229 “Dự phòng tổn thất tài sản”*

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;

- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản có 4 tài khoản cấp 2

Tài khoản 2291 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Tài khoản 2292 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.

Tài khoản 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi.

Tài khoản 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

❖ ***Phương pháp hạch toán***

a) Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

b) Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 2294 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

c) Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (được bù đắp bằng dự phòng).

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tồn thất cao hơn số đã lập dự phòng).

Có các TK 152, 153, 155, 156.

1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp .

1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

1.5.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ sau đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

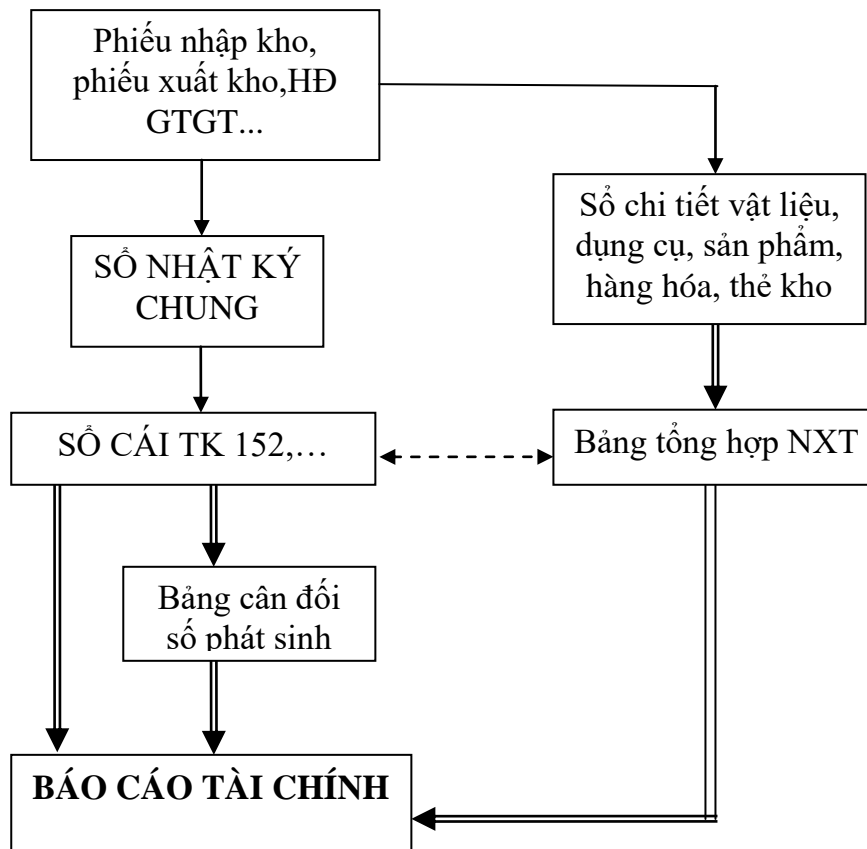
- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.5.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

(i) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(ii) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

1.5.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

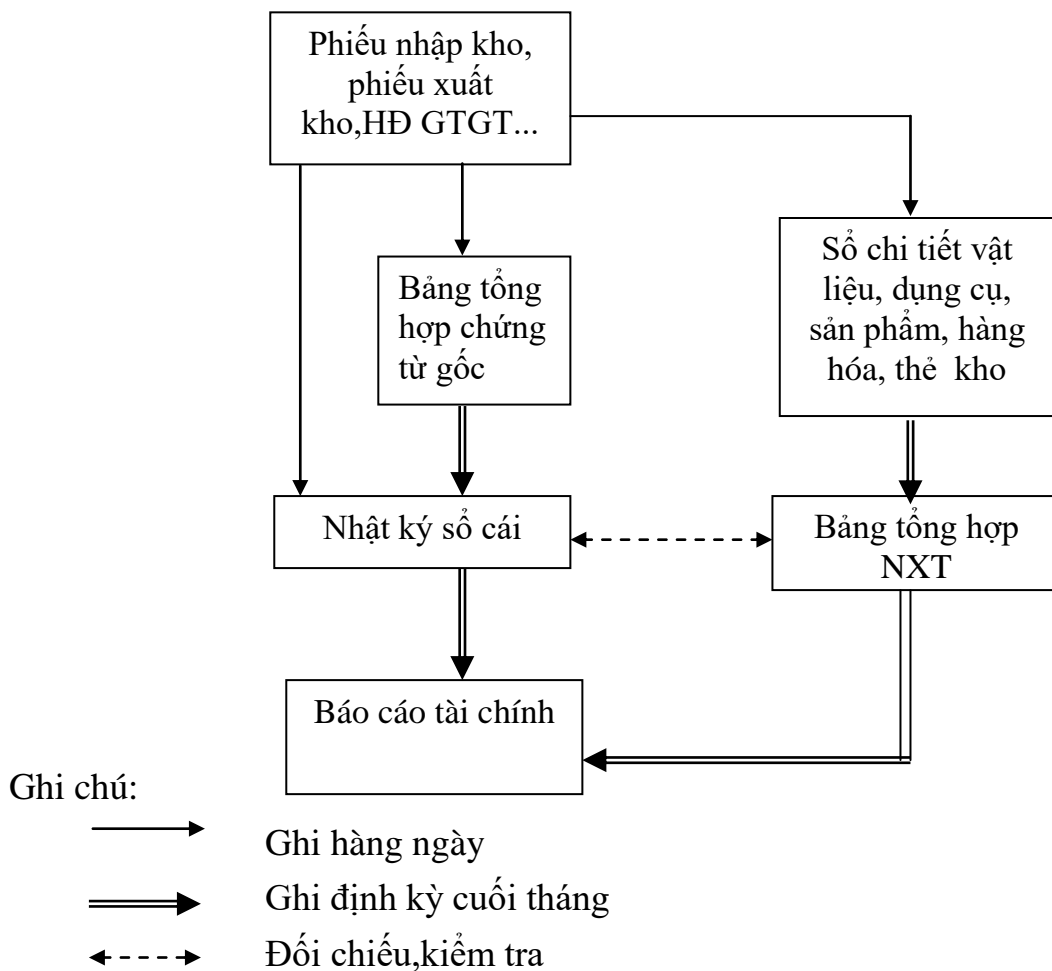
Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.5.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái



1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

1.5.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng Ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng Hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết

1.5.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

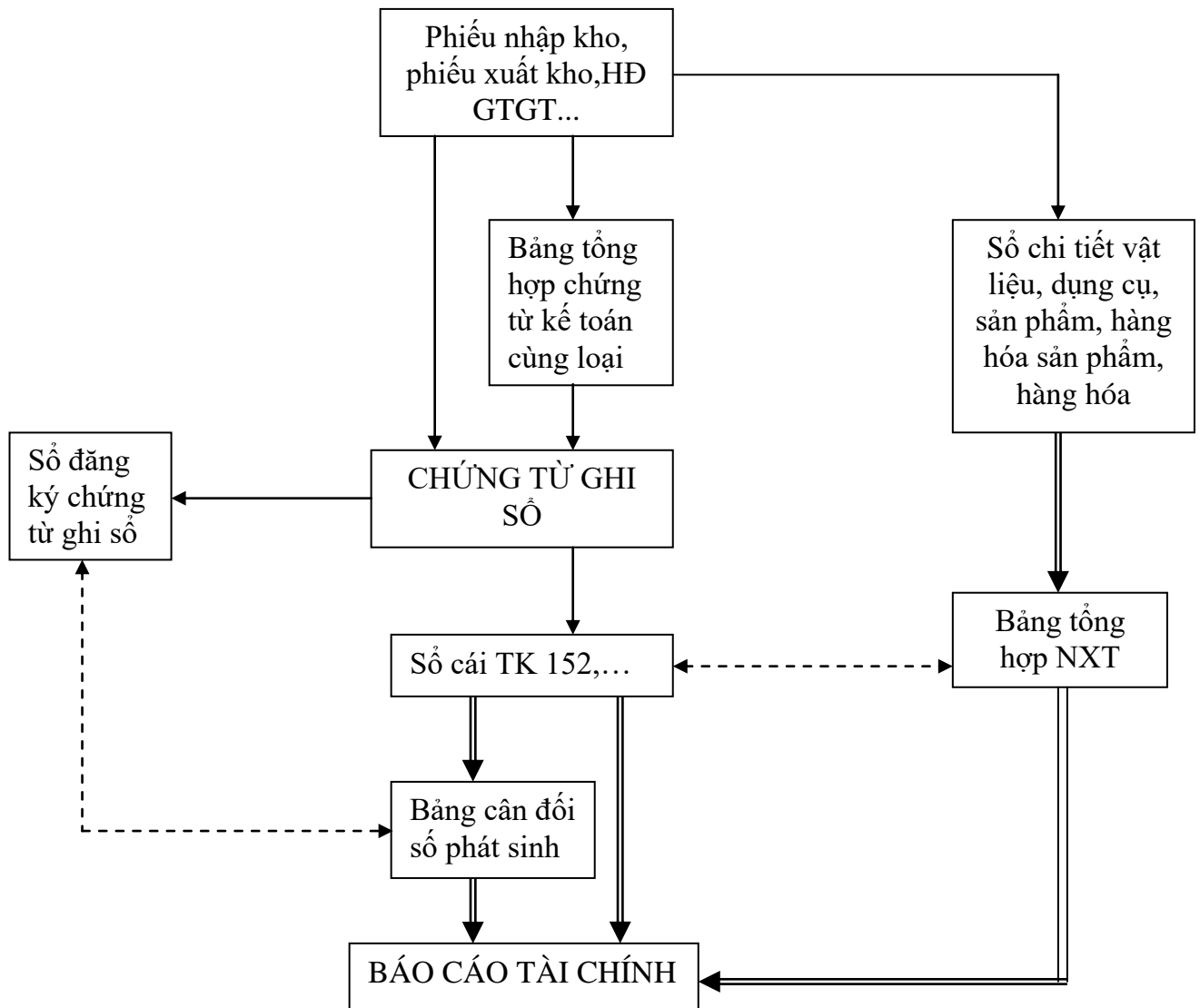
(i) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(ii) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân Đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng Ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các Tài khoản trên Bảng Cân Đối số phát sinh phải bằng

nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân Đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi định kỳ cuối tháng
- ←---→ Đối chiếu, kiểm tra

1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.

1.5.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.5.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.

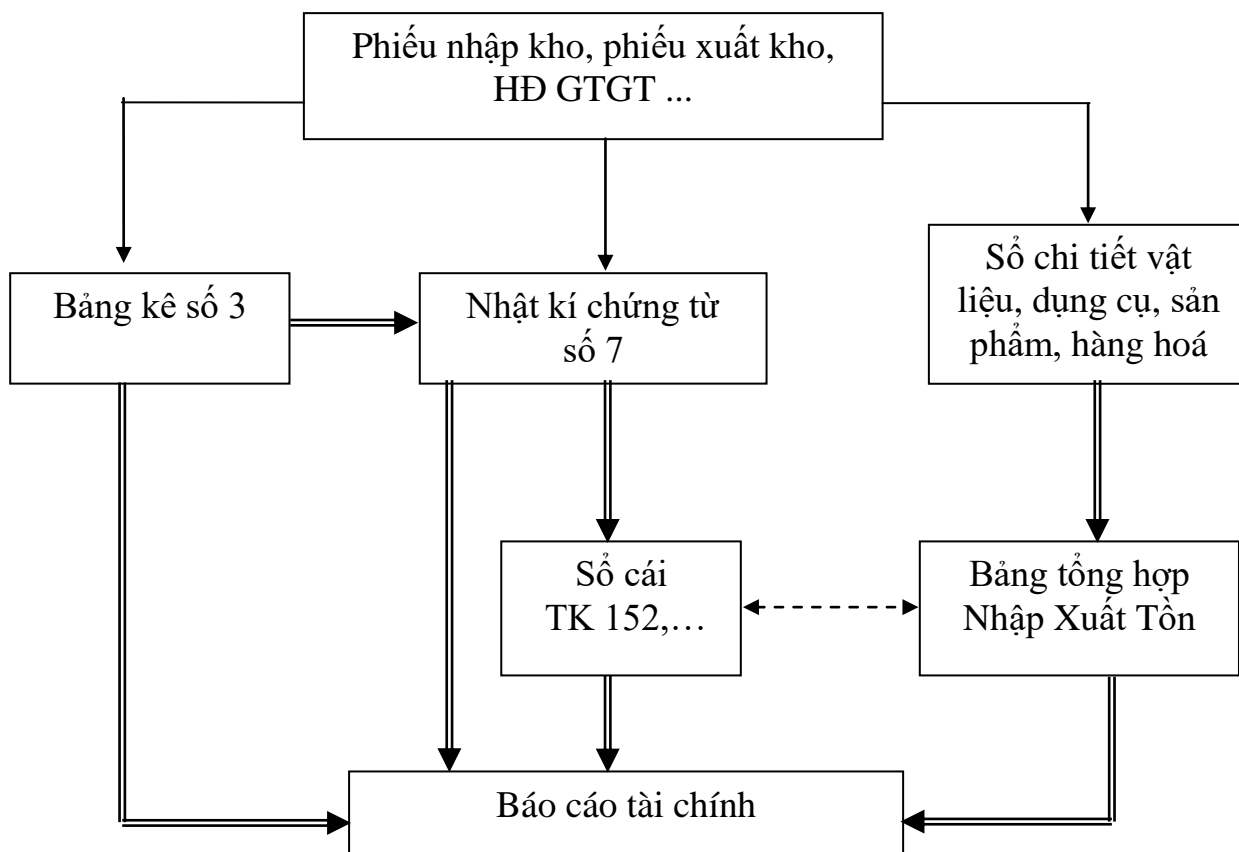
(i) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký – Chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký – Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký – Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký – Chứng từ.

(ii) Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký – Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký – Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.5.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

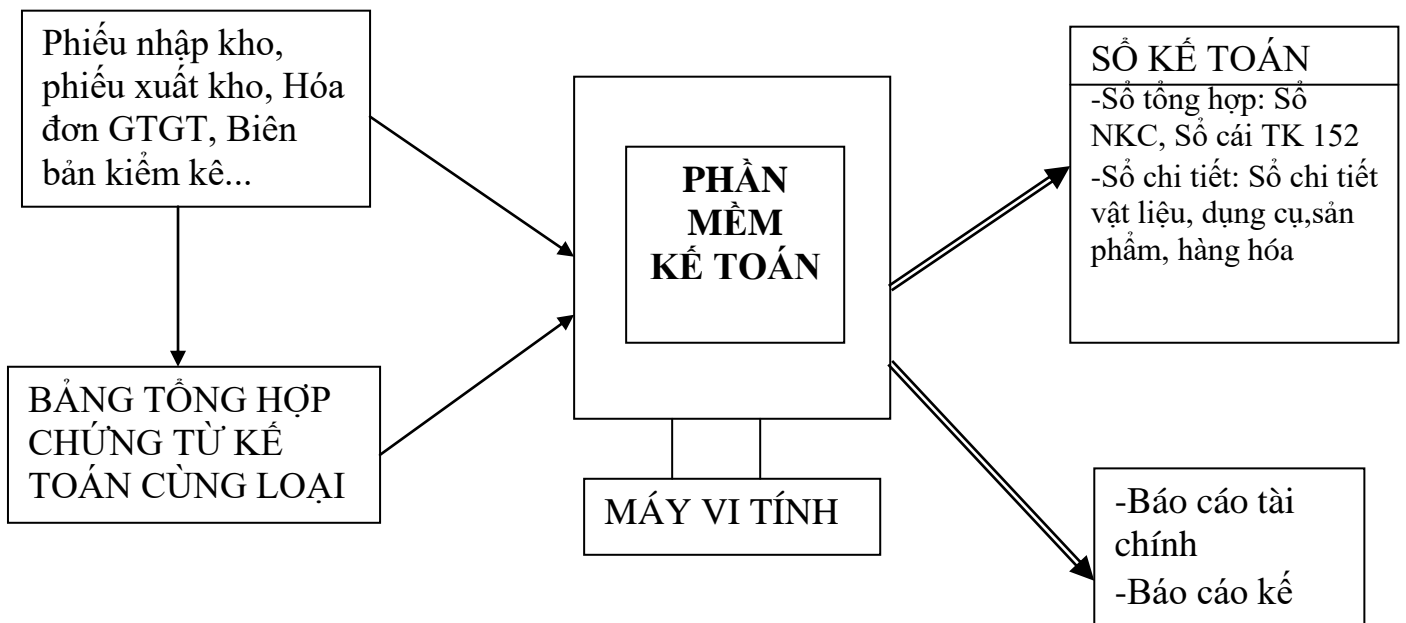
1.5.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

(i) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác

định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Nhật ký chung, hay Chứng từ ghi sổ..) và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(ii) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (Cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <- - - - ->

CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN VÀ THƯƠNG MẠI
BẮC VIỆT

2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.

2.1.1. Lịch sử hình thành, phát triển và đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.

<i>Tên giao dịch tiếng Việt</i>	Công ty cổ phần xây lắp điện và thương mại Bắc Việt
<i>Tên giao dịch Quốc tế</i>	BacViet Electrical construction and Trading Joint Stock Company
<i>Tên viết tắt</i>	BV.ECTC
<i>Địa chỉ đăng ký</i>	Số 426 đường Hùng Vương, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
<i>Văn phòng giao dịch</i>	Số 426 đường Hùng Vương, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
<i>Điện thoại/ Fax</i>	(0313)522188 / 0976.123.426
<i>Tài khoản</i>	102010001004700 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- CN Ngô Quyền- Hải Phòng 32310000558858 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam-CN Đông Hải Phòng
<i>Mã số thuế</i>	0201063271
<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Thái

Ngày nay khi nền kinh tế phát triển mạnh, đời sống nhân dân ngày một tăng cao. Do vậy đòi hỏi cuộc sống thịnh vượng hơn, cơ sở hạ tầng phát triển, trường học nhà máy, đường xá giao thông, các công trình phúc lợi cũng là những lĩnh vực cần được phát triển.

Được sự cho phép của sở kế hoạch đầu tư và thành phố Hải Phòng Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt đã ra đời.

Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp:

+ Thi công, lắp đặt hệ thống điện;

- + Lắp đặt hệ thống tín hiệu giao thông, hệ thống cứu hỏa, phòng cháy chữa cháy. Lắp đặt tủ điện đến 35KV;

- + Xây dựng công trình điện có đường dây và trạm biến áp đến 110KV, Hệ thống điện chiếu sáng tại các khu đô thị, chiếu sáng công cộng;

- + Sản xuất tủ điện đến 35KV

- + Gia công cơ khí;

- + Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại các khu chung cư, đô thị.

....

Sau một thời gian đi vào hoạt động công ty đã xây dựng được rất nhiều hạng mục công trình kiên cố như :

- + Thi công xây dựng hệ thống điện chiếu sáng + điện hạ thế khu A1 thuộc dự án Khu đô thị mới Cái Dăm Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh.

- + Công trình hệ thống điện chiếu sáng giao thông, điện hạ thế và hệ thống cấp nước sinh hoạt khu đô thị mới Vĩnh Thông và Hoàng Hoa Thám tại thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- + Công trình Đường cáp ngầm 22kV và TBA kiosk 630, 560kVA-22/0.4kV Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Cái Dăm, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh

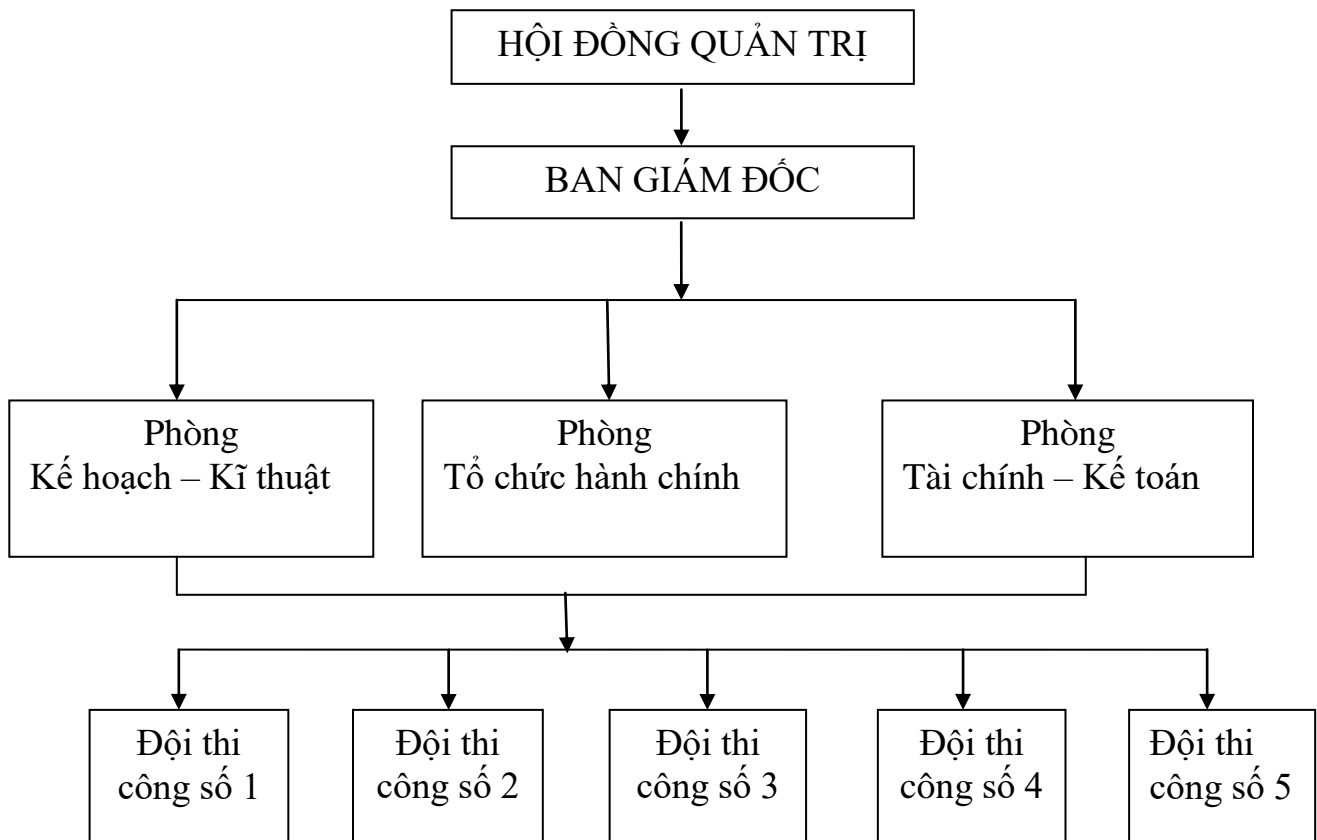
- + Công trình Hệ thống chiếu sáng khu C Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh

...

Quá trình hoạt động vừa qua, công ty đã tham gia đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước nói chung và của thành phố Hải Phòng thông qua hàng trăm công trình đã được xây dựng và hạng chục dự án đầu tư phát triển nhà ở đô thị. Trong đó có nhiều công trình được đánh giá cao. Ngày nay với đội ngũ nhân viên năng động và chuyên nghiệp, Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt luôn hướng tới nhu cầu thị trường với mục tiêu: Năng suất, chất lượng và hiệu quả.

2.1.2. Đặc điểm của bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.



Tổ chức của công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt được thiết kế theo mô hình trực tuyến chức năng, phân chia thành các phòng ban với những chức năng riêng biệt.

Bộ máy quản lý của công ty bao gồm:

+ Một giám đốc điều hành: Là người điều hành hoạt động hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước, các đối tác, các cổ đông và toàn thể cán bộ công nhân viên về các hoạt động của công ty.

+ Một phó giám đốc phụ trách chung: Là người được phân công giúp việc cho giám đốc công ty công tác lập kế hoạch, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch, chất lượng kỹ thuật thi công các công trình đồng thời tham mưu hỗ trợ giám đốc công ty quản lý các mặt hoạt động nội chính.

Chức năng & nhiệm vụ của các phòng ban

- Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của công ty là cơ quan quản lý cao nhất của công ty. Hội đồng quản trị có quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, của người lao động, trừ những vấn đề của đại hội đồng cổ đông.

- Phòng kế hoạch – kỹ thuật.

Có chức năng tham mưu và giúp giám đốc trong việc triển khai thực hiện đầu tư dự án và xây lắp; lập, kiểm tra, kiểm soát kế hoạch ngắn hạn và dài hạn của công ty. Kiểm tra xây lắp quản lý chất lượng công trình, kỹ thuật thi công. Phòng thực hiện các nhiệm vụ tổng hợp quyết toán các công trình, dự án lập hồ sơ đấu thầu, mời thầu.

- Phòng tổ chức – hành chính.

Phòng có chức năng tham mưu và giúp giám đốc chỉ đạo, quản lý và giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực nhân sự, nghiệp vụ lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội, lĩnh vực tổ chức bộ máy. Đồng thời tham mưu và giúp giám đốc chỉ đạo quản lý và giải quyết các công việc liên quan đến công tác quản trị hành chính.

- Phòng hành chính – kế toán.

Phòng có chức năng tham mưu và giúp giám đốc trong việc quản lý các hoạt động tài chính kế toán trong đánh giá sử dụng tài sản tiền vốn, tập hợp phản ánh cung cấp các thông tin cho lãnh đạo công ty về tình hình biến động của các nguồn vốn, vốn, hiệu quả sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn. Tổ chức hạch toán kế toán trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tiếp nhận và phân phối các nguồn tài chính, đồng thời thanh toán, quyết toán với nhà cung cấp, khách hàng. Thực hiện các thủ tục pháp lý, các nghĩa vụ nộp Ngân sách. Chăm công và tính toán tiền lương, tổ chức đào tạo nghiệp vụ cho các nhân viên chuyên môn mới.

- Năm đội thi công.

Trực thuộc công ty thực hiện công tác xây dựng các công trình do công ty được chỉ định hoặc trúng thầu.

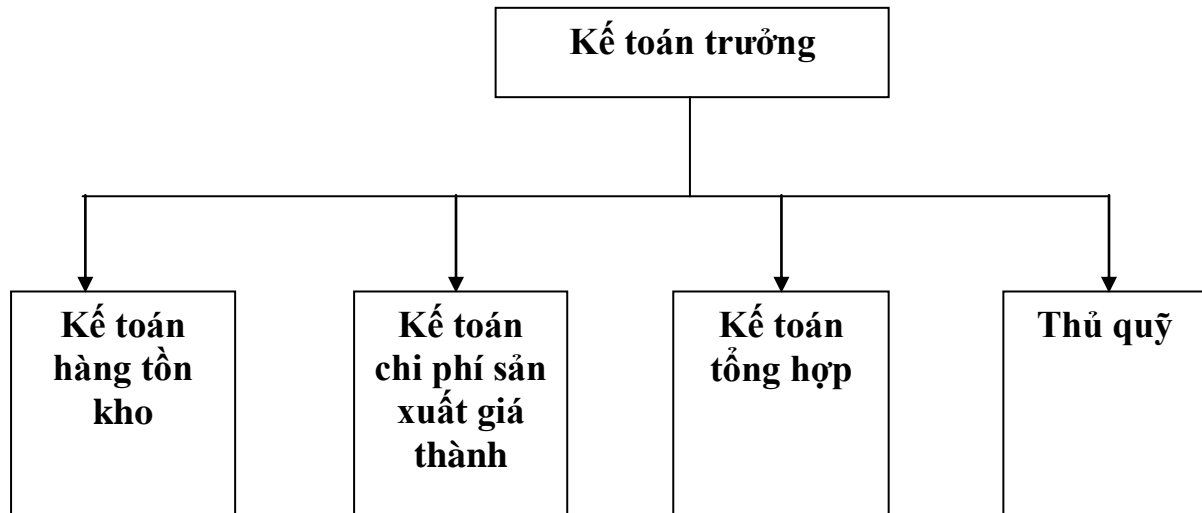
2.1.2. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.

2.1.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.

Phòng kế toán công ty đặt dưới sự lãnh đạo của giám đốc. Trong đó, nhân viên của phòng kế toán chịu sự lãnh đạo trực tiếp của kế toán trưởng.

Trong đó chức năng cụ thể của từng vị trí trong bộ máy kế toán là:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt



(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Theo mô hình như trên chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận như sau:

+ **Kế toán trưởng:** Có nhiệm vụ giám sát công tác kế toán trong toàn công ty, đưa ra những thông tin, nhiệm vụ cho nhân viên kế toán, đưa ra quyết định. Đồng thời chịu trách nhiệm trước giám đốc về mọi mặt của công tác tài chính kế toán trong công ty.

+ **Thủ quỹ:** Quản lý quỹ tiền mặt, theo dõi các khoản thu chi tiền mặt để ghi chép vào sổ sách.

+ **Kế toán chi phí sản xuất giá thành:** Theo dõi trực tiếp những chi phí của công trình, tập hợp chứng từ, vào sổ, thẻ gửi lên phòng kế toán, đối chiếu với thủ quỹ về các tài khoản nhập tiền mặt, thủ kho về nhập, xuất, tồn kho vật tư.

+ **Kế toán tổng hợp:** Tổng hợp các số liệu kế toán lên báo cáo tài chính đầy đủ chính xác các nghiệp vụ phát sinh, chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về chức năng và nhiệm vụ của mình.

+ **Kế toán hàng tồn kho:** Quản lý danh điểm hàng hóa vật tư, thực hiện nhập xuất kho, tính giá hàng tồn kho và lên các báo cáo theo quy định và báo cáo quản trị nội bộ.

Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Niên độ kế toán của công ty là 1 năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Hình thức kế toán công ty áp dụng: Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: sử dụng Đồng Việt Nam để ghi chép và lập báo cáo tài chính của công ty.

- Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng.

- Đối với hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

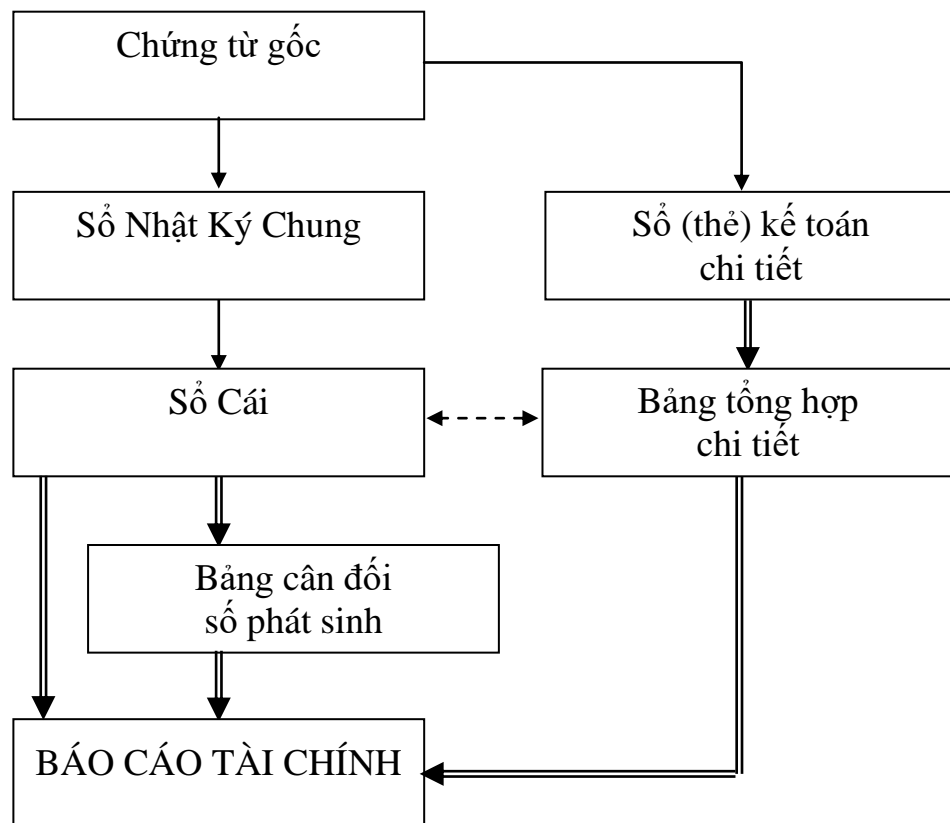
2.1.2.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán áp dụng tại công ty.

Công ty áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản theo Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài Chính.

2.1.2.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty.

Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, rất thuận tiện phù hợp với quy mô của công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác, kịp thời. Hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán được lập theo quy định, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp gồm có: Nhật ký chung; Sổ cái; Các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan,....

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.



Ghi chú

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ==>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: <- - - - ->

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra dùng đó làm căn cứ ghi sổ: trước hết ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung; đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào các sổ chi tiết tài khoản; sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Kế toán đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết với số liệu trên sổ cái để kiểm tra sự chính xác của số liệu, sau đó dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng với số liệu đã ghi, kế toán căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.1.2.5. Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính.

Hệ thống Báo cáo tài chính cả công ty áp dụng theo thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – DN)

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.

2.2.1. Đặc điểm và tính giá nguyên vật liệu tại công ty.

2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty

Công ty cổ phần xây lắp điện và thương mại Bắc Việt là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp điện. Để thi công các công trình về điện, công ty sử dụng một khối lượng nguyên vật liệu rất lớn bao gồm nhiều chủng loại khác nhau, mỗi loại có vai trò và tính chất lý hóa khác nhau như: Dây cáp điện, bộ điều khiển tự động cho động cơ van 2 ngã, máng inox,... Muốn quản lý và hạch toán chính xác nguyên vật liệu thì phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học. Tuy nhiên hiện nay ở công ty các loại nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa theo tên gọi chứ chưa được xây dựng thành danh điểm một cách khoa học nên công tác kế toán nguyên vật liệu còn chưa được hiệu quả.

2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại công ty.

❖ *Giá nguyên vật liệu nhập kho.*

Công ty tính giá nguyên vật liệu nhập kho theo giá trị thực tế. Các loại nguyên vật liệu sử dụng sản xuất tại công ty hầu hết là các nguyên vật liệu mua ngoài.

$$\begin{array}{ccccccc} \textit{Giá thực tế} & & \textit{Giá mua} & & \textit{Chi phí} & & \textit{CKTM,} \\ \textit{NVL nhập} & = & \textit{ghi trên} & + & \textit{thu mua} & - & \textit{Giảm giá} \\ \textit{kho} & & \textit{hóa đơn} & & \textit{thực tế} & & \textit{hàng mua} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá ghi trên hóa đơn: là giá chưa có thuế GTGT.
- Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ...được cộng vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.

Việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu nhập kho là vấn đề quan trọng, giúp công ty đảm bảo được tình hình cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được việc thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được chi phí đầu vào của công ty. Do đó các chứng từ hóa đơn phải được lưu giữ đầy đủ theo quy định hiện hành. Chứng từ sử dụng cho nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu gồm:

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho.
- Các chứng từ thanh toán khác

Khi nguyên vật liệu về đến công ty, cán bộ kỹ thuật sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho khi tổ chức bốc xếp vào kho. Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên có liên quan. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại cuống
- Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho
- Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ.

❖ ***Tính giá nguyên vật liệu xuất kho***

Hiện nay tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt đang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Nguyên vật liệu xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } j = \frac{\text{Trị giá thực tế xuất kho sau lần nhập } j}{\text{Số lượng thực tế xuất kho sau lần nhập } j}$$

$$\text{Trị giá vật liệu xuất dùng} = \text{Đơn giá bình quân} * \text{Số lượng vật liệu xuất kho}$$

Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu tại công ty được dùng chủ yếu cho thi công các công trình. Khi đội trưởng các công trình có nhu cầu về nguyên vật liệu sẽ lập Phiếu yêu cầu cấp vật tư sau đó chuyển xuống cho phòng kế toán phiếu yêu cầu xin cấp vật tư đã được ký duyệt, kế toán căn cứ vào đó viết phiếu xuất kho nguyên vật liệu. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

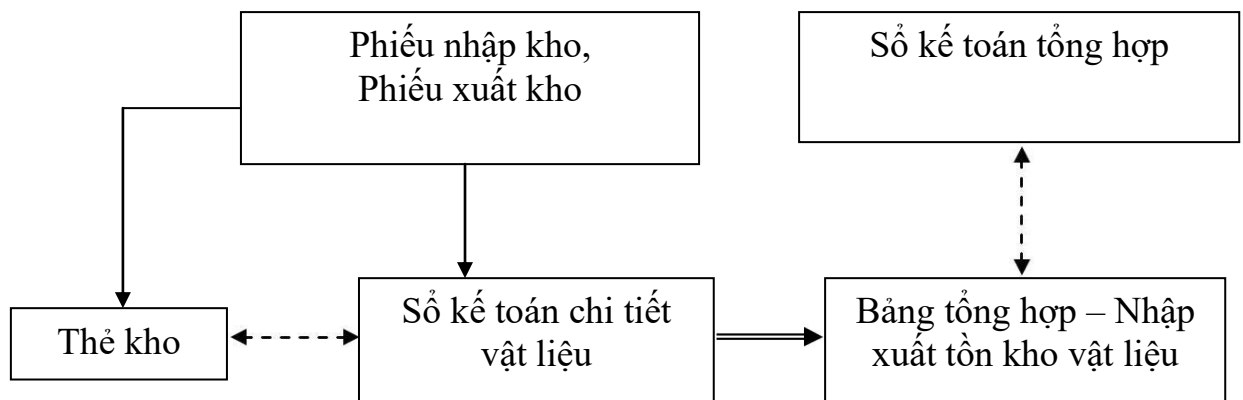
- Liên 1: Lưu tại cuống
- Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho
- Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ.

2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty.

Do nguyên vật liệu của công ty chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên đòi hỏi phải phản ánh theo dõi chặt chẽ tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại nguyên vật liệu cả về số lượng và giá trị. Vật liệu ở công ty rất đa dạng, các nghiệp vụ nhập, xuất diễn ra thường xuyên hàng ngày, do đó nhiệm vụ của kế toán chi tiết nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng và không thể thiếu được.

Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo quản nguyên vật liệu và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng vật liệu, Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt đã lựa chọn phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.

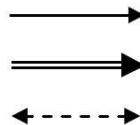


Ghi chú:

Ghi cuối ngày:

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:



Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1:

- Ngày 09/12/2016 Công ty mua điều khiển cho động cơ van 2 ngã của Công ty TNHH Hải Toàn. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0002363 (Biểu số 2.1) và phiếu nhập số 14.12 (Biểu số 2.2), thủ kho ghi vào thẻ kho (Biểu số 2.5), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu – điều khiển cho động cơ van 2 ngã (Biểu số 2.6)
- Ngày 12/12/2016, theo phiếu yêu cầu cấp vật tư (Biểu số 2.3) từ đội trưởng công trình Cấp ngậm Cái Dăm chuyên lên đã được phê duyệt, kế toán viết phiếu xuất kho số 17.12 (Biểu số 2.4).

Trị giá xuất kho điều khiển cho động cơ van 2 ngã tháng 12/2016 được tính như sau:

- Tồn đầu kỳ (1/12) : 5 bộ điều khiển cho động cơ van 2 ngã, đơn giá 8.450.000/bộ.

Trị giá tồn kho đầu kỳ = $5 * 8.450.000 = 42.250.000$ đồng

- Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ:

+ ngày 09/12 : Nhập kho 8 bộ điều khiển cho động cơ van 2 ngã , đơn giá 8.570.000đ/bộ.

Trị giá nhập kho ngày 09/12

= $8 * 8.570.000 = 68.056.000$ đồng

+ ngày 12/12: Xuất kho 8 bộ điều khiển cho động cơ van 2 ngã thi công công Cấp ngậm Cái Dăm

Đơn giá bình quân $42.250.000 + 68.056.000$

điều khiển cho

=

động cơ van 2 ngã

5 + 8

xuất ngày 12/12

= 8.485.077 đồng

Trị giá 8 bộ điều khiển cho động cơ van 2 ngã xuất kho

= $8 \text{ bộ} * 8.485.077 = 67.880.616$ đồng.

Trị giá tồn sau lần xuất ngày 12/12

= $42.250.000 + 68.056.000 - 67.880.616 = 42.425.384$ đồng

Căn cứ vào phiếu xuất kho 17.12 (Biểu số 2.4) thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.5), Kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu – điều khiển cho động cơ van 2 ngã (Biểu số 2.6)

Cuối tháng, từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu số 2.11)

Biểu số 2.1: (Trích Hóa đơn GTGT mua điều khiển cho động cơ van 2 ngã)

HÓA ĐƠNMẫu số: **01GTKT3/001**
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**Ký hiệu: AA/16P**
 Liên 2: Giao người muaSố: 0002363

Ngày 09 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hải Toàn					
Mã số thuế: 0200837973					
Địa chỉ: 226, Đ.Hùng Vương, P.Thượng LÍ, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng					
Số tài khoản: 003100225453 tại Ngân hàng Ngoại Thương - CN Hải Phòng					
Điện thoại: 0912.155.205					
Họ tên người mua hàng: Trần Văn Tuấn					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt					
Địa chỉ: 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng					
Số tài khoản: 003100225168 tại ngân hàng Ngoại Thương – CN Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK			MST: 0201063271		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1,	Điều khiển cho động cơ van 2 ngã	Bộ	8	8.570.000	68.056.000
		Cộng tiền hàng:			68.056.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			6.805.600
		Tổng cộng tiền thanh toán:			74.861.600

Số tiền viết bằng chữ: *Bảy mươi tư triệu tám trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.2: (Trích phiếu nhập kho điều khiển cho động cơ van 2 ngã)

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện & thương
mại Bắc Việt

Địa chỉ: 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng Vương,
Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số: 01 – VT

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 09 tháng 12 năm 2016

Nợ: 152

Số: 14.12

Có: 331

- Họ và tên người giao: Nguyễn Văn An
- Địa chỉ: Công ty TNHH Hải Toàn
- Theo HĐGTGT số 0002363 ngày 09 tháng 12 năm 2016
- Nhập tại kho: Kho Vật tư 1

STT	Tên nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị Tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
01	Điều khiển cho động cơ van 2 ngã		Bộ	8	8	8.570.000	68.056.000
	Cộng			8	8	8.570.000	68.056.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu mươi tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 09 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.3: Phiếu yêu cầu cấp vật tư

Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt

Địa chỉ: 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ

Người nhận: Nguyễn Tuấn Anh

Địa chỉ: Đội thi công số 1

Lý do sử dụng: Thi công công trình Cấp ngầm Cái Dăm.

STT	Tên vật tư	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Điều khiển cho động cơ van 2 ngã		Bộ	8	

Hải phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2016

Phê duyệt

Người yêu cầu

Biểu số 2.4: (Trích Phiếu xuất kho điều khiển cho động cơ van 2 ngã tháng 12)

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện &
thương mại Bắc Việt
Địa chỉ: 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng
Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 12 tháng 12 năm 2016
Số:17.12

Nợ : 621.3
Có : 152

- Họ và tên người nhận hàng : Nguyễn Tuấn Anh.
- Địa chỉ: Đội thi công số 1
- Lý do xuất kho: Phục vụ thi công công trình Cấp ngầm Cái Dăm
- Xuất tại kho (ngăn lô): Kho Vật tư 1

STT	Tên nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Điều khiển cho động cơ van 2 ngã		Bộ	8	8	8.485.077	67.880.616
	Cộng			8	8	8.485.077	67.880.616

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu mươi bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn sáu trăm mười sáu đồng.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 12 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.5: (Trích thẻ điều khiển cho động cơ van 2 ngã tháng 12)

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt
Địa chỉ: : 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/01/2016

-Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Điều khiển cho động cơ van 2 ngã
Năm 2016

Đơn vị tính: Bộ

Số TT	Ngày, tháng	SHCT		Diễn giải	Ngày N,X	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				<u>Tồn đầu tháng 12</u>				<u>5</u>	
1	09/12	PN14.12		Nhập kho bộ điều khiển động cơ van 2 ngã	09/12	8		13	
2	12/12		PX17.12	Xuất cho công trình cáp ngầm Cái Dăm	12/12		8	5	
3	18/12	PN23.12		Nhập kho bộ điều khiển động cơ van 2 ngã	18/12	10		15	
4	21/12		PX26.12	Xuất cho công trình hệ thống chiếu sáng khu C khu Bãi Cháy	21/12		12	3	
				
				Cộng phát sinh		45	42		
				Dư cuối tháng 12				<u>8</u>	

Thủ kho
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.
Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6: (Trích sổ chi tiết điều khiển cho động cơ van 2 ngã tháng 12)

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt
Địa chỉ: : 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số S10 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2016

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu. Tên kho: Kho vật tư 1

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Điều khiển cho động cơ van 2 ngã.

Đơn vị tính: Bộ

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
			Số dư đầu tháng 12		8.450.000					5	42.250.000	
09/12	PN14.12	09/12	Nhập kho điều khiển động cơ van 2 ngã	331	8.570.000	8	68.056.000			13	110.306.000	
12/12	PX17.12	12.12	Xuất cho công trình cấp ngầm Cái Dăm	621.3	8.485.077			8	67.880.616	5	42.425.384	
18/12	PN23.12	18.12	Nhập kho điều khiển động cơ van 2 ngã	331	8.475.000	10	84.750.000			15	127.175.384	
21/12	PX26.12	21.12	Xuất cho công trình hệ thống chiếu sáng khu C khu Bãi Cháy	621.4	8.478.359			12	101.740.308	3	25.435.076	
...							
			Cộng phát sinh tháng 12			45	371.263.108	42	346.359.700			
			Dư cuối tháng 12							8	67.153.408	

Ví dụ 2:

- Ngày 01 tháng 12 năm 2016 Công ty mua máng inox 92,31 của công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Bảo An. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0002308 (Biểu số 2.7) và phiếu nhập kho số 05.12 (Biểu số 2.8), thẻ kho (Biểu số 2.11), kế toán vào sổ chi tiết vật liệu (Biểu số 2.12).

- Ngày 02 tháng 12, tại phòng kế toán theo yêu cầu cấp vật tư (Biểu số 2.9) từ đội trưởng công trình POTK-160914005 đã được phê duyệt, kế toán viết phiếu xuất kho 07.12 (Biểu số 2.10).

- Tồn đầu kỳ (1/12) : 10 thanh máng inox 92,31, đơn giá 3.581.420/thanh.

Trị giá tồn kho đầu kỳ = $10 * 3.581.420 = 35.814.200$ đồng

- Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ:

+ ngày 01/12 : Nhập kho 15 thanh máng inox 92,31, đơn giá 3.532.040/thanh.

Trị giá nhập kho ngày 01/12

= $15 * 3.532.040 = 52.980.600$ đồng

+ ngày 02/12: Xuất kho 18 thanh máng inox 92,31 thi công công trình POTK- 160914005

Đơn giá bình quân
điều khiển cho
động cơ van 2 ngã
xuất ngày 02/12

$$= \frac{35.814.200 + 52.980.600}{10 + 15}$$

= 3.551.792 đồng

Trị giá 18 thanh máng inox 92,31 xuất kho

= $18 \text{ thanh} * 3.551.792 = 63.932.256$ đồng.

Trị giá tồn sau lần xuất ngày 02/12

= $35.814.200 + 52.980.600 - 63.932.256 = 24.862.544$ đồng.

Căn cứ vào phiếu xuất kho 05.12 (Biểu số 2.10) , thẻ kho (Biểu số 2.11), kế toán ghi vào sổ chi tiết máng inox 92,31 (Biểu số 2.12).

Cuối tháng từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu số 2.13)

Biểu số 2.7: (Trích hóa đơn mua máng inox 92,31)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: **01GTKT3/001**

Liên 2: Giao người mua

Ký hiệu: **AA/16P**

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Số: 0002308

Đơn vị bán hàng: Công ty CP dịch vụ kĩ thuật Bảo An					
Mã số thuế: 0200682529					
Địa chỉ: số 3A Lí Tự Trọng, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng					
Điện thoại: 0313.797.879					
Số tài khoản: 102010001004700 tại NH TMCP công thương Việt Nam CN- Ngô Quyền Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Trần Văn Tuấn					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt					
Địa chỉ: Số 426, Đ.Hùng Vương, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng					
Số tài khoản: 102010001004621 tại NH TMCP công thương Việt Nam CN- Lê Chân Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK			Mã số thuế: 0201063271		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x2
1,	Máng inox 92,31	Thanh	15	3.532.040	52.980.600
Cộng tiền hàng:					52.980.600
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 5.298.060
Tổng cộng tiền thanh toán:					58.278.660

Số tiền viết bằng chữ: *Năm mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi đồng.*

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.8: (Trích phiếu nhập kho máng inox 92,31)

Đơn vị: Công ty CP xây lắp Điện & TM
Bắc Việt
Địa chỉ: Số 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng
Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số: 01 – VT
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Nợ: 152

Số: 05.12

Có: 331

- Họ và tên người giao: Nguyễn Thị Loan
- Địa chỉ: Công ty CPDVKT Bảo An
- Theo HĐGTGT số 0002308 ngày 01 tháng 12 năm 2016
- Nhập tại kho: Kho vật tư 1

STT	Tên nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
01	Máng inox 92,31		Thanh	15	15	3.532.040	52.980.600
	Cộng			15	15		52.980.600

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn sáu trăm đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Phiếu yêu cầu cấp vật tư

Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt

Địa chỉ: Số 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ

Người nhận: Nguyễn Tuấn Anh

Địa chỉ: Đội thi công số 3

Lý do sử dụng: Thi công công trình POTK- 160914005.

STT	Tên vật tư	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Máng inox 92,31		Thanh	18	

Hải phòng, ngày 02 tháng 12 năm 2016

Phê duyệt

Người yêu cầu

Biểu số 2.10: (Trích Phiếu xuất kho máng inox 92,31)

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện & thương
mại Bắc Việt
Địa chỉ: Số 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng
Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 02 tháng 12 năm 2016

Số: 07.12

Nợ : 621.2

Có : 152

- Họ và tên người nhận hàng : Nguyễn Tuấn Anh.
- Địa chỉ: Đội thi công số 3
- Lý do xuất kho: phục vụ thi công công trình POTK- 160914005
- Xuất tại kho (ngăn lô): Kho Vật tư 1

STT	Tên nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Máng inox 92,31		Thanh	18	18	3.551.792	63.932.256
	Cộng					3.551.792	63.932.256

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu mươi ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 02 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người nhận hàng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu số 2.11: (Trích thẻ kho PCB30 tháng 12)

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt
Địa chỉ: : Số 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/01/2016
 Năm 2016

-Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Máng inox 92,31
 -Đơn vị tính: Thanh

Số TT	Ngày, tháng	SHCT		Diễn giải	Ngày N,X	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				<u>Tồn đầu tháng 12</u>				<u>10</u>	
1	01/12	PN05.12		Nhập kho máng inox 92,31	01/12	15		25	
2	02/12		PX07.12	Xuất cho CT POTK- 160914005	02/12		18	7	
4	08/12	PN13.12		Nhập kho máng inox 92,31	08/12	18		25	
5	15/12		PX20.12	Xuất cho CT hệ thống chiếu sáng khu C Bãi Cháy	15/12		22	3	
			
...	Cộng phát sinh tháng 12		153	133		
				Dư cuối tháng 12				<u>30</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Thủ kho
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: (Trích sổ chi tiết máng inox 92,31 tháng 12)

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt
Địa chỉ: : 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số S10 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Tên kho: Kho vật tư 1

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Máng inox 92.31

Đơn vị tính: Thanh

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
			Số dư đầu kỳ		3.581.420					10	35.814.200	
01/12	PN05.12	01/12	Nhập kho chưa thanh toán	331	3.532.040	15	52.980.600			25	88.794.800	
02/12	PX07.12	02.12	Xuất cho công trình POTK-160914005	621.2	3.551.792			18	63.932.256	7	24.862.544	
08/12	PN13.12	08.12	Nhập kho chưa thanh toán	331	3.694.108	18	66.493.944			25	91.356.488	
15/12	PX20.12	15.12	Xuất cho công trình hệ thống chiếu sáng khu C Bãi Cháy	621.4	3.654.260			22	80.393.720	3	10.962.768	
...
						153	450.185.325	133	379.012.242			
										30	106.987.283	

Biểu số 2.13: (Trích bảng tổng hợp nhập xuất tồn)

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt
Địa chỉ: : 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số S11 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
 VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2016

STT	Tên vật liệu	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Máng inox92,31	35.814.200	450.185.325	379.012.242	106.987.283
2	Thanh định vị C92.50.225	1.065.890	87.980.367	76.256.390	12.789.867
.....
13	Điều khiển cho động cơ van 2 ngã	42.250.000	371.263.108	346.359.700	67.153.408
.....
16	Đầu nối 2070.34PZB+	262.800	4.633.500	4.520.410	375.890
.....
	Cộng	258.586.210	1.602.181.050	1.415.531.594	445.235.666

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người lập
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

2.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt

2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu nhập kho - Phiếu xuất kho - Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, Giấy báo Nợ, giấy báo Có....

2.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng.

- TK 152 – “Nguyên vật liệu”
- TK 621 – “Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp”

Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của bộ trưởng bộ tài chính với niên độ kế toán là năm dương lịch (bắt đầu từ 01/01/N đến 31/12/N hàng năm). Vì vậy, kế toán sẽ sử dụng TK 621 để hạch toán các khoản mục chi phí sản xuất và TK 621 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Ví dụ:

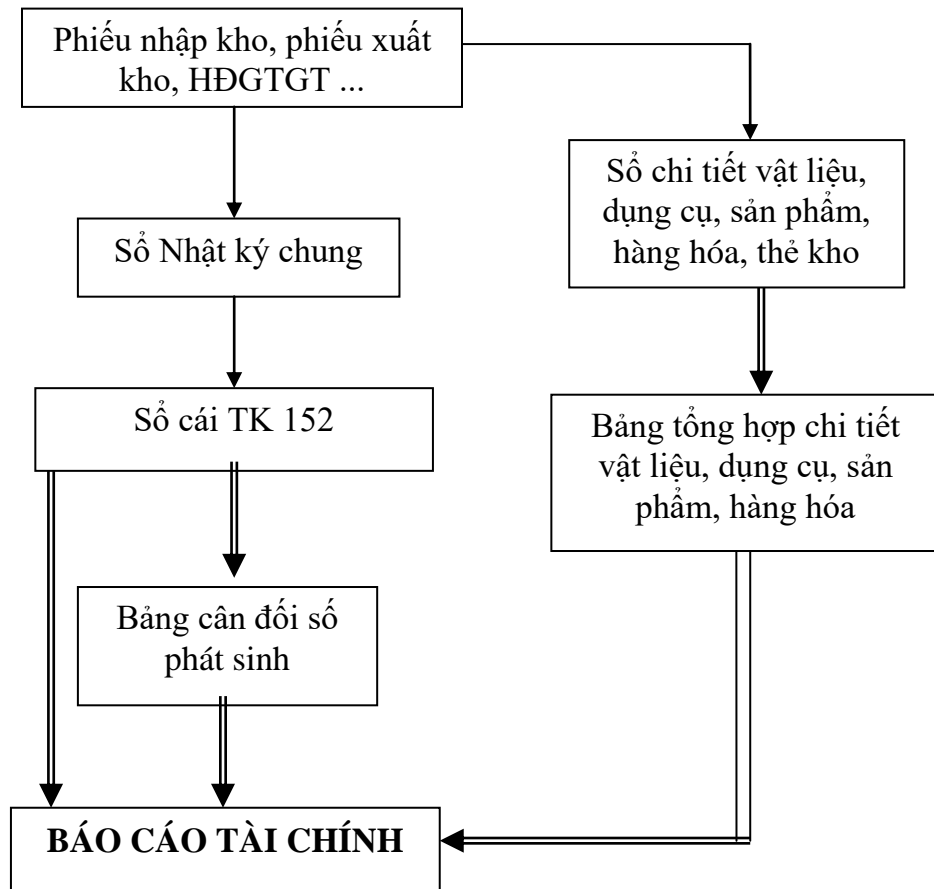
- TK 621.1 chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp công trình hệ thống chiếu sáng đường Láng Cáp.
- TK 621.2 chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp công trình POTK-160914005.
- TK 621.3 chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp công trình cáp ngầm Cái Dăm
- TK 621.4 chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp công trình hệ thống chiếu sáng khu C Bãi Cháy.
-

- Các TK khác liên quan 133, 111, 112, 331...

2.2.3.3. Quy trình hạch toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ cuối tháng
- ←- - -> Đối chiếu, kiểm tra

2.2.3.4. Ví dụ minh họa.

Lấy lại các nghiệp vụ ở phần kế toán chi tiết để minh họa phân ghi sổ tổng hợp.

Ví dụ 3(tiếp VD1)

- Ngày 09 tháng 12 năm 2016 Công ty mua điều khiển cho động cơ van 2 ngã của công ty TNHH Hải Toàn.

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0002363 và phiếu nhập kho số 14.12, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14). Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.15), sổ cái các tài khoản khác liên quan.

Ngày 12 tháng 12 năm 2016 xuất 8 bộ điều khiển cho động cơ van 2 ngã cho công trình Cấp ngầm Cái Dăm theo phiếu yêu cầu cấp vật tư. Căn cứ vào phiếu xuất kho số 17.12, kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14) và vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.15).

Ví dụ 4(tiếp VD2)

- Ngày 01 tháng 12 năm 2016 Công ty mua máng inox 92,31 của Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Bảo An chưa thanh toán. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001126 và phiếu nhập 05.12, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14). Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.15), và sổ cái các tài khoản có liên quan.

- Ngày 02 tháng 12 xuất 18 thanh inox 92,31 cho công trình POTK-N160914005 theo phiếu yêu cầu cấp vật tư. Căn cứ vào phiếu xuất kho số 07.12, kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14), và vào Sổ cái TK 152 (Biểu số 2.15)

Cuối kỳ, đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK 152 với Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu

Biểu số 2.14 : (Trích sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2016)

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt
Địa chỉ: Số 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			Số phát sinh				
						
01/12	HD- 0002308 PN05.12	01/12	Mua máng inox 92,31 chưa thanh toán		152 133 331	52.980.600 5.298.060	58.278.660
						
02/12	PX 07.12	02/12	Xuất máng inox 92,31 cho công trình POTK- 160914005		621.2 152	63.932.256	63.932.256
						
09/12	HD- 0002363 PN14.12	09/12	Mua điều khiển cho động cơ van 2 ngã chưa thanh toán		152 133 331	68.056.000 6.805.600	74.861.600
						
12/12	PX17.12	12/12	Xuất điều khiển cho động cơ van 2 ngã cho công trình cáp ngầm Cái Dầm		621.3 152	67.880.616	67.880.616
						
			Cộng số phát sinh			225.815.156.233	225.815.156.233

Biểu số 2.15: (Trích sổ cái TK 152 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt
Địa chỉ: Số 422, Đ.Hùng Vương, P.Hùng Vương, Q.Hồng
 Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Số hiệu tài khoản: 152
Năm 2016

Đơn vị: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12		258.586.210	
01/12	PN05.12	01/12	Mua máng inox 92,31 chưa thanh toán	331	52.980.600	
					
02/12	PX07.12	02/12	Xuất cho công trình POTK-160914005	621.2		63.932.256
					
09/12	PN14.12	09/12	Nhập kho điều khiển cho động cơ van 2 ngã chưa thanh toán	331	68.056.000	
					
12/12	PX17.12	12/12	Xuất cho công trình cấp ngầm Cái Dăm	621.3		67.880.616
...
27/12	PN29.12	27/12	Mua thép ống hộp mạ kẽm CL chưa TT	331	16.547.247	
...
			Cộng phát sinh		1.602.181.050	1.415.531.594
			Dư cuối tháng 12		445.235.666	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN & THƯƠNG MẠI BẮC VIỆT

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.

Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng với sản phẩm chủ yếu là các công trình sản xuất dân dụng có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sử dụng lâu dài và mang tính cố định. Do đó, công tác quản lý giám sát thi công là điều hết sức quan trọng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu vì nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất, có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình cũng như mỹ quan của sản phẩm. Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của doanh nghiệp đang ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu về lĩnh vực xây dựng trong nền kinh tế hiện nay.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức phù hợp với trình độ và khả năng chuyên môn của từng người. Nói chung, công tác kế toán nguyên vật liệu cơ bản đã đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán mới ban hành với hệ thống sổ sách kế toán tương đối đầy đủ, chi tiết và rõ ràng.

Sau thời gian thực tập tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt, được tìm hiểu công tác hạch toán kế toán ở công ty và đi sâu vào nghiên cứu công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu em thấy công ty đã phát triển được nhiều mặt lợi thế và thể hiện được những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1. Ưu điểm.

Về công tác hạch toán nguyên vật liệu:

Việc hạch toán nguyên vật liệu từ hạch toán chi tiết đến hạch toán tổng hợp đều được tiến hành rất đều đặn, đúng kỳ. Công ty tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên nên phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu liên tục. Phương pháp này đảm bảo cung cấp thông tin chính xác về nguyên vật liệu tại bất kỳ thời điểm nào. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty đã áp dụng phương pháp thẻ song song. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra số liệu và cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán tổng hợp ngay cả khi có sự biến động của công ty diễn ra thường xuyên liên tục. Đây là phương pháp phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty đang áp dụng đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ kịp thời, chính xác tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của công ty. Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp giúp hệ thống hóa thông tin chính xác, khoa học. Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung: Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra và gửi về phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tổng hợp ghi vào sổ kế toán. Mô hình này phù hợp với quy mô của Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt, nó đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, kiểm tra, đối chiếu, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả. Các cán bộ kế toán được phân công, phân nhiệm vụ rõ ràng nên sự chuyên môn hóa rất cao, đảm bảo các phần hành tiến hành nhanh nhẹn, độ chính xác cao và đảm bảo khả năng cung cấp thông tin trung thực, hợp lý, kịp thời.

Về công tác thu mua, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu:

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là trong việc cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do vậy công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu cho các đội xây dựng.

+ Đối với công tác thu mua: Công ty có bộ phận kiểm định chất lượng, am hiểu về chất lượng và thị trường nên việc thu mua nguyên vật liệu tương đối ổn định. Đồng thời, công ty thường xuyên ký hợp đồng với các nhà cung cấp có mặt hàng tốt, chất lượng cao, giá cả phù hợp, luôn đảm bảo đúng, đủ về mặt số lượng cũng như quy cách chất lượng của nguyên vật liệu, giao hàng đúng hẹn, kịp thời để công ty kịp tiến độ thi công các công trình.

+ Đối với công tác dự trữ và bảo quản: Hệ thống kho được tổ chức một cách hợp lý, phù hợp với tính chất lý, hóa học của từng loại vật liệu. Với đội ngũ cán bộ quản lý kho có tính thần trách nhiệm cũng như trình độ chuyên môn cao nên việc thực hiện quản lý nguyên vật liệu ở công ty được thực hiện khá nề nếp, đảm bảo vật tư được quản lý chặt chẽ, tránh được tình trạng thất thoát vật tư, gây thiệt hại cho công ty.

+ Đối với công tác sử dụng: Mọi nhu cầu sử dụng vật liệu đều đưa qua phòng kế hoạch xem xét tính hợp lệ của các nhu cầu đó nhằm tiết kiệm và quản lý tốt vật liệu.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm ở trên công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của công ty còn bộc lộ những mặt hạn chế cần khắc phục như sau:

Về việc luân chuyển chứng từ:

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao nhận chứng từ đều phải ký vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Về việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho

Để phục vụ nhu cầu sản xuất thì số lượng nguyên vật liệu nhập kho tại công ty là rất lớn, tuy nhiên công ty mới chỉ kiểm tra về mặt số lượng, còn về chất lượng nguyên vật liệu nhập kho chưa được đặc biệt chú trọng.

Về việc xây dựng danh điểm vật tư:

Công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại nguyên vật liệu do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Các loại nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất rất khó để mọi người nhận biết đâu là nguyên vật liệu chính và đâu là nguyên vật liệu phụ, phụ từng thay thế.... Do vậy, công tác quản lý nguyên vật liệu chưa đạt được hiệu quả tối ưu, khối lượng công việc nhiều. Các nguyên vật liệu chưa được phân định rõ ràng. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công

ty cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống nguyên vật liệu được mã hóa khoa học hợp lý hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, sử dụng và thuận tiện trong việc ứng dụng phần mềm kế toán

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt.

Trải qua quá trình phát triển và đổi mới sâu sắc theo cơ chế thị trường hơn thập kỷ qua, kế toán Việt Nam đã không ngừng được hoàn thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế tài chính. Trong đó hạch toán kế toán góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng quản lý tài chính quốc gia và quản trị doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Cũng như nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng với đặc điểm chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỉ trọng lớn trong tổng chi phí để xây dựng công trình cũng như giá thành sản phẩm. Vì vậy mà việc nghiên cứu, đưa ra các biện pháp để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu là vô cùng cần thiết và việc hoàn thiện này phải tuân theo những yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán trước hết phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.

- Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

- Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin kế toán đưa ra phải chính xác kịp thời phù hợp với yêu cầu, giúp cho các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu, đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

3.2.1. Hoàn thiện về việc lập sổ danh điểm vật tư.

Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt là một công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp điện nên khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, kích cỡ. Hiện nay nguyên vật liệu của công ty được phân loại theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện được rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Với đặc điểm sản xuất và nguyên vật liệu như hiện tại, theo em công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm vật tư”

Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi từng nhóm, từng loại, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic, hợp lý. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng sổ danh điểm vật tư giúp cho việc quản lý từng loại vật tư sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn. Khi có sổ danh điểm việc ghi chép của kế toán sẽ thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý nguyên vật liệu trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

Để đảm bảo phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu công ty nên và sử dụng các tiêu khoản như sau trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu:

- TK 1521: “Nguyên vật liệu chính”
- TK 1522: “Nguyên vật liệu phụ”
- TK 1523: “Nhiên liệu”
- TK 1524: “Phụ tùng thay thế”
- TK 1525: “Phế liệu thu hồi”

Việc mở thêm các tiêu khoản sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của nhà nước.

Ngoài ra sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo tiêu khoản giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực

tiếp sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu. Như vậy quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm sẽ được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, giảm chi phí nguyên vật liệu hay có thể so sánh chi tiết từng loại nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm giữa các kỳ.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng dựa vào các đặc điểm sau:

- + Dựa vào nhóm vật liệu;
- + Dựa vào loại vật liệu trong mỗi nhóm;
- + Dựa vào số thứ vật liệu có trong mỗi loại;
- + Dựa vào quy cách vật liệu trong mỗi thứ.

Trong mỗi nhóm nguyên vật liệu sẽ sử dụng chữ cái để chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu giúp cho việc theo dõi dễ dàng hơn. Trên cơ sở đó, việc quản lý nguyên vật liệu sẽ được tiến hành một cách khoa học và chặt chẽ.

Ví dụ:

TK 1521: Nhóm nguyên vật liệu chính

TK 1521-A: Cáp

TK 1521-A1: Cáp Hàn Quốc

TK 1521-A2: Cáp Đài Loan

TK 1521-A3: Cáp Nhật Bản

.....

TK 1522: Nhóm nguyên vật liệu phụ

TK 1522-A: Ốc vít

TK 1522-A1: Ốc vít M4x13

TK 1522-A2: Ốc vít M5x19

.....

TK 1523: Nhóm nhiên liệu

TK 1524: Nhóm phụ tùng thay thế

TK 1525: Nhóm phế liệu thu hồi

Theo em, để tiện theo dõi và quản lý nguyên vật liệu công ty nên lập sổ danh điểm vật tư như sau :

Biểu số 3.1: Sổ danh điểm vật tư

Ký hiệu		Danh điểm vật tư	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị tính	Ghi chú
Nhóm	Loại				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521-A		Cáp	m	
		1521-A1	Cáp Hàn Quốc	m	
		1521-A2	Cáp Đài Loan	m	
		1521-A3	Cáp Nhật Bản	m	
				
	1521-B		Máng inox	Thanh	
		1521-B1	Máng inox 92,31	Thanh	
		1521-B2	Máng inox 84,62	Thanh	
....
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522-A		Ốc vít	Chiếc	
		1522-A1	Ốc vít M4x13	Chiếc	
....	
1523			Nhiên liệu		
...
1524			Phụ tùng thay thế		
...
1525			Phế liệu thu hồi		

- Mở sổ danh điểm vật tư phải có sự kết hợp nghiên cứu của phòng kế toán , các phòng ban liên quan sau đó trình lên ban lãnh đạo của công ty để thống nhất quản lý và sử dụng trong toàn công ty. Cụ thể:

-Hệ thống chứng từ liên quan đến danh điểm vật tư (phiếu nhập kho, phiếu xuất kho) phải bổ sung danh điểm của từng vật tư

-Hệ thống sổ sách kế toán như sổ chi tiết vật liệu, sổ chi tiết chi phí, thẻ kho, Bảng tổng hợp nhập xuất tồn cũng chi tiết theo từng danh điểm vật tư.

-Khi công ty xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư thì việc theo dõi, kiểm tra hàng hóa được dễ dàng hơn rất nhiều và thuận tiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán khi công ty hiện đại hóa công tác kế toán. Khi áp dụng phần mềm kế toán, hệ thống danh điểm vật tư này sẽ được khai báo trong Danh mục vật tư và số liệu về từng danh điểm vật tư có thể được truy xuất dễ dàng trên phần mềm, giúp ban lãnh đạo có thể đưa ra hướng giải quyết kinh doanh phù hợp.

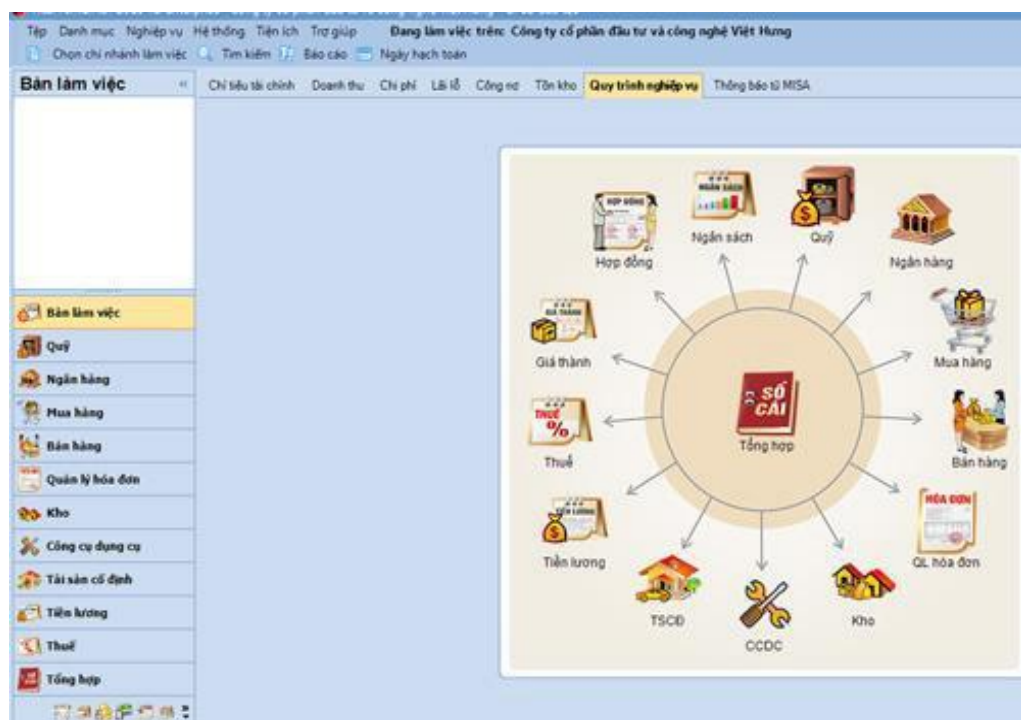
3.2.2. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán.

Việc áp dụng công nghệ thông tin vào hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Hiện nay, công nghệ tin học phát triển không ngừng tạo ra những ưu việt trong công tác quản lý kế toán. Nhiều doanh nghiệp hiện nay cũng đã mạnh dạn đầu tư nhằm tin học hóa công tác quản lý, kế toán, cho phép nâng cao hiệu quả quản lý đồng thời tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Áp dụng phần mềm kế toán sẽ giảm thiểu khối lượng công việc, tránh tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, đảm bảo tổ chức công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao trong công tác kế toán. Hơn nữa, việc áp dụng phần mềm kế toán để tạo ra sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép và các tính năng của phần mềm được phát huy hết tác dụng.

Một số phần mềm kế toán thông dụng hiện nay:

PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA



Giá: 8.950.000 VND

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp, với mục đích giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế

phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2015 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2015 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý, và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.
- Điểm đặc biệt nữa ở Misa mà chưa có phần mềm nào có được là thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong Misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: vì Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Viisual fox bị đánh cắp bản quyền rất dễ).
- Cập nhật các chính sách mới ban hành của nhà nước
- Tăng tốc độ xử lý dữ liệu nhanh gấp 3 lần so với các phiên bản trước

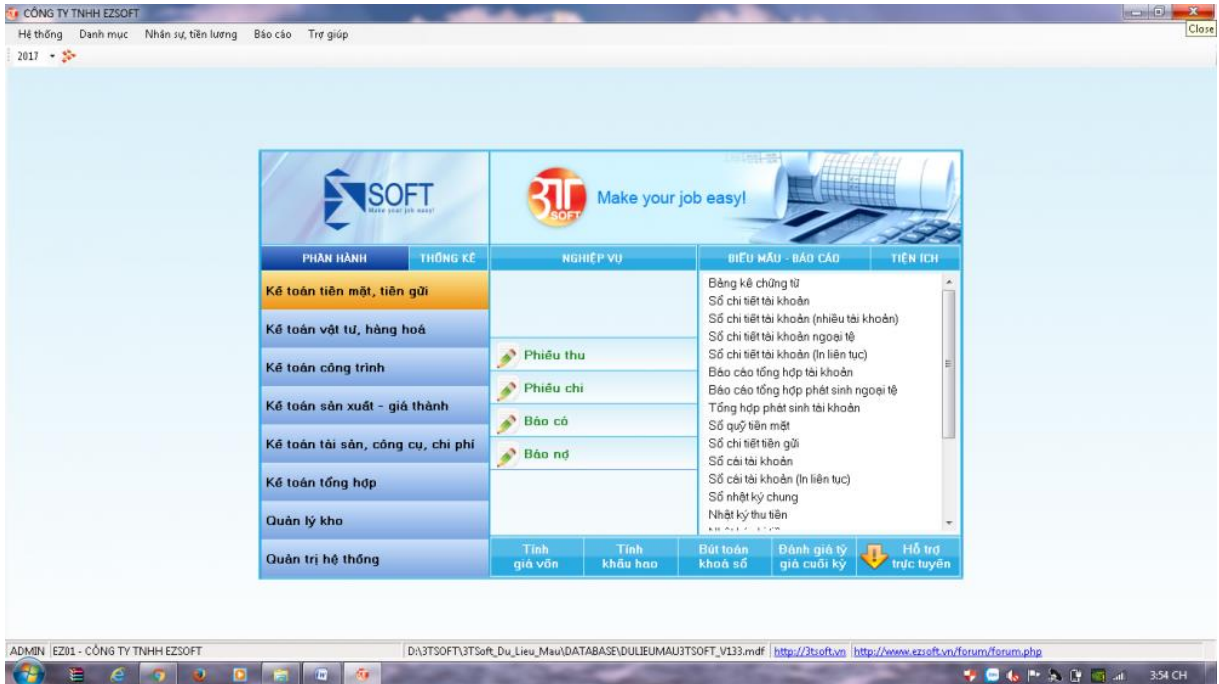
Nhược điểm:

- Vì có SQL nên Misa đòi hỏi cấu hình máy tính tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.
- Các báo cáo khi kết xuất ra Excell sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

PHẦN MỀM KẾ TOÁN 3TOSOFT

- Phần mềm kế toán 3TSoft đã được chứng nhận đăng ký bản quyền tác giả tháng 10/2010 do Cục bản quyền tác giả theo số 2671/2010/QTG.
- Giá thành cực thấp với phiên bản Tiếng Việt (Bao gồm TT 200 & TT133) bạn chỉ phải bỏ ra mức phí : 2.000.000 đ bạn đã sở hữu 01 bản quyền trọn đời.

- Với ưu đãi cực lớn như: Tặng 1 năm hỗ trợ, bảo trì miễn phí, cập nhật, nâng cấp thay đổi phiên bản không mất thêm chi phí.
- Video kế toán máy, nghiệp vụ mẫu phong phú.

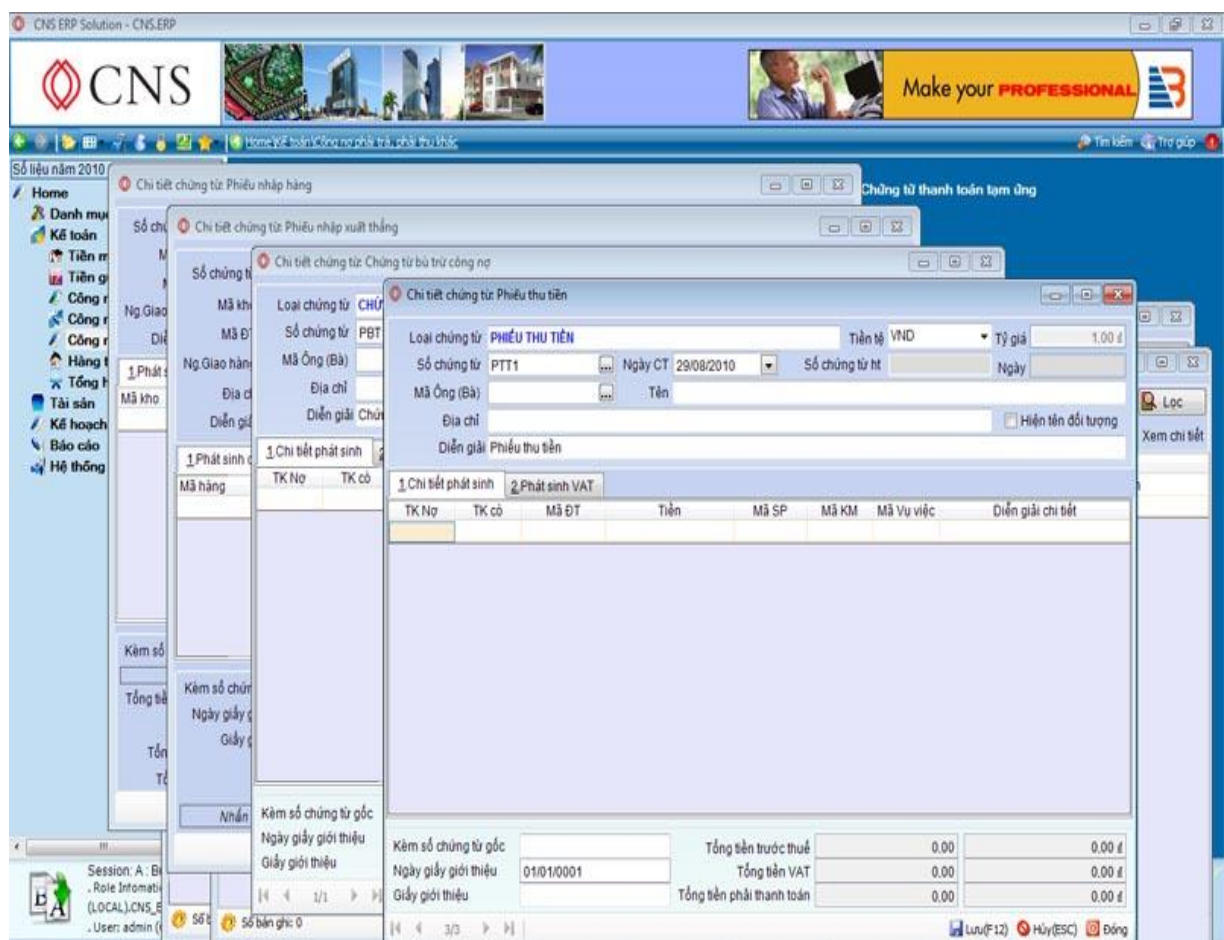


Các ưu điểm vượt trội so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường

- Dùng thử không giới hạn thời gian, full tiện ích, không bị ảnh hưởng dữ liệu đã nhập khi chuyển từ dùng thử sang dùng chính thức.
- Tích hợp máy quét mã vạch.
- Phần mềm có tốc độ xử lý nhanh, gọn nhẹ, phím tắt đồng nhất các phân hành giúp người dùng cắt giảm hầu hết các thao tác “nút bấm” và “click chuột”..., nâng cao tốc độ tác nghiệp, tiết kiệm thời gian...
- Bản quyền kép cho phép sao chép nhiều chứng từ sử dụng chung cho dữ liệu Thuế - Nội bộ, Công ty mẹ - các chi nhánh, ...
- Không giới hạn số máy tính sử dụng, số người sử dụng.
- Không giới hạn số công ty trên một phần mềm.
- Cho phép kết nối dữ liệu qua Internet.
- Cho phép cập nhật 100% dữ liệu từ Excel bao gồm: Các chứng từ nhập – xuất, thu – chi, danh mục đối tượng, vật tư, hàng hóa, số dư đầu kỳ tài khoản, tồn kho đầu kỳ, ...
- Kết xuất nhanh chóng tờ khai thuế, BCTC sang trực tiếp ứng dụng HTKK
- Phần mềm đa ngôn ngữ: Tiếng Việt; Việt – Anh; Việt – Nhật; Việt – Trung; Việt – Hàn.

- Linh hoạt sửa mẫu báo cáo, in ấn chứng từ, sổ sách hàng loạt một cách dễ dàng, đánh lại số chứng từ hàng loạt theo yêu cầu của người sử dụng: PC-2017-0001; PN-2017-0001.
- Tính giá vốn, tính khấu hao và tính chênh lệch tỷ giá tự động.
- Chức năng kiểm tra sai sót sửa chữa báo cáo chứng từ nhanh chóng tiện ích.
- Sao lưu - phục hồi, truyền nhận dữ liệu dễ dàng giữa các máy tính.
- Vận dụng linh hoạt cho mọi loại hình dịch vụ, thương mại, sản xuất, xây dựng.
- Sử dụng công nghệ hiện đại .NET + Microsoft SQL Server.
- Và nhiều tính năng ưu việt khác...

PHẦN MỀM KẾ TOÁN CNS



Công ty CNS Việt Nam phát hành bộ cài đặt phần mềm kế toán miễn phí phiên bản mới nhất đã cập nhật đầy đủ các thông tư nghị định dành riêng cho các doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp nhỏ có phát sinh ít nghiệp vụ chưa có nhu cầu đầu tư phần mềm và các cá nhân có nhu cầu học hỏi, tìm hiểu, giảng dạy bằng phần mềm kế toán CNS Accounting. Đây là phiên bản được đóng gói với đầy đủ các chức năng cần thiết cho kế toán để quản lý số liệu chi tiết và lên báo cáo thuế hàng tháng (quý), báo cáo tài chính năm cũng như báo

cáo quản trị... Với bộ sản phẩm miễn phí này, CNS hy vọng sẽ giúp cho công việc hạch toán kế toán của doanh nghiệp có ít phát sinh trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết và yên tâm tập trung vào sản xuất kinh doanh, phát triển doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh. Theo CNS, đối với các doanh nghiệp mới thành lập, các doanh nghiệp nhỏ có số lượng chứng từ phát sinh ít, các cá nhân thì việc mua và sử dụng 1 phần mềm bản quyền là điều khá tốn kém trong khi dùng bản lậu thì rất nguy hiểm nên dùng phần mềm kế toán miễn phí luôn là giải pháp tối ưu cho các bạn thuộc nhóm này.

Phần mềm kế toán miễn phí CNS đã và đang được đánh giá là phần mềm thuộc nhóm TOP cho lựa chọn đó, một số ưu điểm của bộ phần mềm này mà các bạn có thể thấy là:

-Miễn phí và không cần đăng ký sử dụng. Việc cài đặt phần mềm trên máy tính cũng hết sức dễ dàng, đồng thời phần mềm lại có đầy đủ các chức năng kế toán cần thiết, cực kỳ dễ dàng trong việc sử dụng cũng như quản lý số liệu quản trị, số liệu thuế với sự chính xác tuyệt đối.

– Ngoài việc sử dụng phần mềm miễn phí, thì việc không cần đăng ký sử dụng cũng tránh được những phiền phức, chờ đợi khi cài đặt phần mềm, nó cũng đồng nghĩa với việc có thể cài đi cài lại vô số lần, ở bất cứ chỗ nào.

Các phần mềm: BRAVO, COMAC, SUNLIGHT,...

Ưu điểm:

Giao diện đẹp, dễ sử dụng, dễ cài đặt vận hành.

Các phần mềm này có phân hệ tính giá thành tuyệt vời so với Misa

Các phần mềm này giống nhau về quy trình xử lý số liệu, CSDL (Visual fox), chỉ khác nhau về giao diện.

Nhược điểm:

Tính bảo mật không cao, thường xảy ra lỗi (giống như phần mềm Fast Accounting).

Theo em , công ty nên cân nhắc sử dụng phần mềm kế toán Misa. Bởi vì, Misa không chỉ là phần mềm kế toán phổ biến nhất hiện nay mà nó còn có khá nhiều phiên bản. Đối với doanh nghiệp thì MISA SME.NET 2017 là sản phẩm khá phù hợp. Sản phẩm này được phát triển trên nền tảng .NET hiện đại nhất Microsoft, tích hợp hàng loạt những tính năng ưu việt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý tài chính, kế toán cả các doanh nghiệp .

Misa là doanh nghiệp công nghệ thông tin uy tín và cũng là một trong 4 đơn vị đầu tiên được Tổng cục thuế tin cậy, thẩm định phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017

Phần mềm kế toán MISA không những cập nhật kịp các chế độ, quy định mới của Bộ tài chính mà còn giải quyết được các yêu cầu thực tế phát sinh của doanh nghiệp như: đáp ứng hệ thống báo cáo quản trị, thường xuyên cập nhật các tính năng mới.. Đặc biệt, MISA biết lắng nghe những phản ánh thực tế của các đơn vị sử dụng phần mềm, ghi nhận và điều chỉnh kịp thời trong phần mềm.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 thiết kế cho các doanh nghiệp , với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh với mình. Với MISA SME.NET 2017, doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

3.2.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người đúng bộ phận. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu số 3.2: Sổ giao nhận chứng từ

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Năm.....

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Người giao	Người nhận

3.2.4 Hoàn thiện việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho

Trong môi trường phát triển kinh tế hội nhập hiện nay, cạnh tranh trở thành một yếu tố mang tính chất quốc tế đóng vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Đối với một doanh nghiệp xây lắp thì chất lượng nguyên vật liệu trở thành một trong những chiến lược quan trọng nhất làm tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Quan tâm tới chất lượng, quản lý chất lượng nguyên vật liệu chính là một trong những phương thức tiếp cận và tìm cách đạt được những thắng lợi trong sự cạnh tranh gay gắt trên thương trường nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của công ty. Để phục vụ nhu cầu sản xuất thì số lượng nguyên vật liệu nhập kho tại công ty là rất lớn, tuy nhiên công ty mới chỉ kiểm tra về mặt số lượng, còn về chất lượng nguyên vật liệu nhập kho chưa được đặc biệt chú trọng.

Vì vậy công ty nên lập một hội đồng kiểm nghiệm và sử dụng biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa để kiểm tra số lượng, quy cách chất lượng nguyên vật liệu nhập kho cũng như quản lý chất lượng trong quá trình bảo quản và sử dụng, từ đó làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản

Biểu số 3.3: Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt
Địa chỉ: Số 422, Đ. Hùng Vương, P. Hùng Vương,
 Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Mẫu số: 03-VT
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ
 VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

-Thời điểm kiểm kê:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

-Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông/Bà chức vụ: Đại diện:..... Trưởng ban

+ Ông/Bà chức vụ: Đại diện: Ủy viên

+ Ông/Bà chức vụ: Đại diện: Ủy viên

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư, dụng cụ,..	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Chất lượng		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Cộng														

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc
 (Ý kiến giải quyết số chênh lệch)
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
 (Ký, họ tên)

3.2.5. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán thì công ty nên tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Đây sẽ là nguồn tài chính bù đắp cho những tổn thất có thể xảy ra khi sự thay đổi giá của nguyên vật liệu có sự biến động theo chiều hướng không có lợi cho công ty và đảm bảo việc cung cấp nguyên vật liệu kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên liên tục.

Các khoản dự phòng có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp và nó được thể hiện ở một số mặt khác nhau như: nhờ có khoản dự phòng giảm giá bằng cân đối kế toán của doanh nghiệp phản ánh chính xác hơn giá trị thực của tài sản. Dự phòng giảm giá được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm lợi nhuận phát sinh để tính toán chính xác hơn ra số lợi nhuận thực tế.

Doanh nghiệp có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính những hàng hóa đó có giá trị bán trên thị trường thấp hơn giá trị trên sổ kế toán, hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp.

Trên cơ sở tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế của từng mặt hàng, kế toán xác định mức dự phòng theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng hóa} \\ \text{thực tế tồn kho tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng} \\ \text{tồn kho theo} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho} \end{array} \right)$$

Thời điểm lập dự phòng giảm giá được tiến hành vào cuối niên độ kê toán, trước khi lập báo cáo tài chính và phải thực hiện theo đúng các quy định của cơ chế quản lý tài chính hiện hành.

Phải lập dự phòng cho những vật tư, hàng hóa tồn kho nếu xét thấy có những bằng chứng đáng tin cậy có thể xảy ra trong tương lai.

Kế toán xác định số dự phòng giảm giá cần lập cho niên độ kế toán với điều kiện không được lớn hơn số lợi nhuận thực tế của công ty.

Việc lập dự phòng giảm giá tiến hành riêng cho từng chủng loại vật tư, hàng hóa bị giảm giá và tổng hợp vào bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho của doanh nghiệp.

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho sử dụng tài khoản 229 “Dự phòng tổn thất tài sản” để phản ánh việc lập dự phòng và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho

Nội dung và kết cấu tài khoản 229

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;

- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản có 4 tài khoản cấp 2

Tài khoản 2291 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Tài khoản 2292 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.

Tài khoản 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi.

Tài khoản 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

❖ *Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.*

a) Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

b) Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

c) Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có các TK 152, 153, 155, 156.

Ví dụ:

Cuối năm 2016 giá vỏ tủ điện trên thị trường chỉ còn 611.607 đồng/hộp. Trong khi đó giá ghi sổ của công ty là 630.050 đồng/hộp, trong kho còn dự trữ 600 hộp, khi đó công ty cần lập dự phòng giảm giá cho vật liệu này:

$630.050 - 611.607 = 18.443$ đồng/hộp.

Mức trích lập dự phòng: 18.443 (đồng/hộp) x 600 (hộp) = $11.065.800$ đồng.

Việc lập dự phòng giảm giá được tiến hành riêng cho từng loại nguyên vật liệu và được tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá nguyên vật liệu:

Biểu số 3.4: Bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**BẢNG KÊ CHI TIẾT DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO
Năm 2016**

Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Giá ghi sổ	Giá thị trường	Mức chênh lệch	Mức dự phòng
Vỏ tủ điện	Hộp	600	630.050	611.607	18.443	11.065.800
Dây cáp CF77UL15.12D	M	1000	420.500	398.750	21.750	21.750.000
Xích nhựa đỡ cáp 2500.07.125.0	Bộ	250	12.645.262	12.473.618	171.644	42.911.000
Thanh định vị C92.50.225	Bộ	700	533.000	488.640	44.360	31.052.000
Cộng						106.778.800

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 106.778.800

Có TK 2294: 106.778.800

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên rồi từ đó vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản liên quan.

3.2.6. Một số giải pháp khác.

3.2.6.1. Quản lý và sử dụng vật tư.

Khi đã lập kế hoạch hậu cần vật tư, chuyên giao vật tư trong nội bộ doanh nghiệp với các mức và định mức. Nhà quản trị vẫn phải kiểm tra, theo dõi tình hình sử dụng vật tư để có thể đưa ra những hiệu chỉnh khi cần thiết về mức và định mức. Lập các kế hoạch về nhu cầu trữ và hậu cần vật tư cho kỳ kế hoạch .

Xây dựng mức dự trữ vật tư hợp lý là một hoạt động cần thiết của Doanh nghiệp. Tuy đã dựa trên cơ sở tính toán khoa học nhưng trước những sự biến động của nhiều nhân tố tác động đến công tác hậu cần và việc dự trữ của Doanh nghiệp làm cho lượng vật tư dự trữ thực tế khác với kế hoạch, thậm chí còn làm

thay đổi cả mức và ảnh hưởng nhiều đến hạn mức tiêu dùng vật tư kỹ thuật. Do vậy, buộc các Doanh nghiệp phải có các biện pháp theo dõi và điều chỉnh kịp thời lượng vật tư dự trữ nhằm đảm bảo các mức nhu cầu dự trữ hợp lý.

Một số biện pháp nhằm điều chỉnh lượng vật tư dự trữ hợp lý:

Nếu thiếu vật tư cho sản xuất sẽ dẫn đến dự trữ vật tư thiếu. Nếu nguồn vật tư không đảm bảo – phải có các giải pháp quan hệ chặt chẽ với khách hàng tạo uy tín với bạn hàng, hợp tác chặt chẽ để tạo nguồn vật tư ổn định. Mặt khác, kịp thời quan hệ với các nguồn hàng khác để bổ xung kịp thời, nâng cao nghiệp vụ marketing quan hệ, khai thác tìm hiểu những nguồn hàng tiềm năng mới.

Phát huy tiềm lực nội bộ: tiết kiệm vật tư gia công chế biến, tái sử dụng những phế liệu... để bù đắp những thiếu hụt. Riêng đối với việc mở rộng sản xuất, cần phải sử dụng vật tư cao hơn so với kế hoạch phải nhanh chóng mở rộng nguồn hàng để bù đắp cho những thiếu hụt đó. Trước mắt, thoả thuận việc giao hàng sớm hơn thời hạn đó kết hợp với động viên tiềm lực nội bộ.

- Đối với vật tư thừa: Nghiên cứu ngay kế hoạch ,điều chỉnh ở kế hoạch tháng hoặc kế hoạch quý

- Giải pháp tổ chức tiêu thụ vật tư thừa:

- Nếu vật tư vẫn còn có thể cần đến hoặc sẽ dùng cho sản xuất thì có thể nhu dẫn hoặc trì hoãn tiến độ nhập hàng

- Nếu do nguyên nhân từ sản xuất hay sử dụng thừa quá mức,dẫn đến thừa vật tư ứ đọng sản xuất tiêu thụ thì phải tăng cường biện pháp marketing tìm thị trường tiêu thụ để giữ vững được tốc độ sản xuất tiêu thụ mặt hàng. Những biện pháp tiên tiến hơn cả vẫn là giảm tiến độ giao hàng, áp lực hàng về kho

3.2.6.2. Bộ máy kế toán.

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường thì doanh nghiệp cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự:

Về công tác đào tạo:

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới.

Về chế độ quản lý, kiểm tra:

- Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để chấn chỉnh kịp thời.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên thông qua việc thường xuyên theo dõi bảng chấm công của từng phòng ban.

- Tổ chức giờ làm việc một cách khoa học, ổn định công tác phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm chuyên môn hóa công tác kế toán, tăng hiệu quả công việc. Có chính sách khen thưởng với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc. Có chế độ thưởng phạt rõ ràng để khuyến khích tinh thần làm việc.

- Đảm bảo cán bộ công nhân viên sử dụng một cách triệt để và hiệu quả các cơ sở vật chất, phần mềm dữ liệu được cung cấp: Hệ thống máy vi tính, phần mềm kế toán,...

Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị. Vấn đề nhân sự để thực hiện công tác kế toán có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong tổ chức kế toán của doanh nghiệp. Tổ chức nhân sự như thế nào để từng người phát huy được cao nhất điểm mạnh của mình, đồng thời tác động tích cực đến những bộ phận hoặc người khác có liên quan là mục tiêu của tổ chức bộ máy kế toán. Việc phân công nhiệm vụ, chức năng của các cán bộ kế toán của công ty hiện nay chưa hợp lý nên gây ra việc kém hiệu quả trong công tác tổ chức và quản lý. Việc phân chia lại nhiệm vụ của từng người là rất cần thiết vì qua đó có thể tăng được hiệu quả quản lý và nâng cao được sự cạnh tranh của công ty với các đối thủ cạnh tranh.

KẾT LUẬN

Đề kế toán phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh tế thông qua việc phản ánh và giám sát một cách chặt chẽ, toàn diện tài sản và nguồn vốn của công ty ở mọi khâu trong qua trình sản xuất nhằm cung cấp các thông tin chính xác và hợp lý phục vụ cho việc lãnh đạo và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, thì việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty là một tất yếu. Nhất là trong việc chuyển đổi môi trường kinh tế, việc tổ chức kế toán vật liệu đòi hỏi còn phải nhanh chóng kiện toàn để cung cấp kịp thời đồng bộ những vật liệu cần thiết cho sản xuất, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các định mức dự trữ ngăn ngừa hiện tượng hư hụt, mất mát lãng phí vật liệu.

Về mặt lý luận, em đã trình bày một cách khái quát, có hệ thống các vấn đề cơ bản về hạch toán nguyên vật liệu. Qua thời gian thực tập tại công ty em thấy công ty đã áp dụng một cách tốt nhất chế độ kế toán mới và luôn muốn hoàn thiện bộ máy kế toán của mình. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số vấn đề và em tin rằng với khả năng và những cố gắng của công ty trong thời gian tới thì những vấn đề tồn tại sẽ được giải quyết, công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu sẽ hoàn thiện hơn, phục vụ đắc lực cho quản lý kinh tế tài chính của công ty.

Do thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế không dài, trình độ lý luận và thực tiễn còn hạn chế nên bài khóa luận này không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong được sự đóng góp ý kiến, giúp đỡ của thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.

Qua đây, em xin gửi lời cảm ơn cô giáo Nguyễn Thị Mai Linh và các cán bộ kế toán Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt đã giúp đỡ em nhiệt tình trong việc hoàn thiện bài khóa luận này. Xin chúc Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt thành công rực rỡ trên con đường phát triển của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2017

Sinh viên

Phạm Thị Anh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ tài chính (2009), *Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*
4. Bộ tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam*
5. Công ty cổ phần xây lắp điện & thương mại Bắc Việt (2016), *Sổ sách kế toán Công ty*.
6. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.